



# **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ**

**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**

**MỤC LỤC**

|                                                                                                          |           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT .....</b>                                                                | <b>4</b>  |
| <b>CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN.....</b>                                                            | <b>5</b>  |
| 1. Các văn bản quy phạm pháp luật về việc cổ phần hóa .....                                              | 5         |
| 2. Các văn bản pháp lý liên quan đến cổ phần hóa Công ty TNHH In và Phát hành<br>biểu mẫu Thống kê ..... | 5         |
| <b>PHẦN I GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA .....</b>                                               | <b>7</b>  |
| 1. Giới thiệu về Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê .....                                | 7         |
| 1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính .....                                                                     | 7         |
| 1.2. Ngành nghề kinh doanh .....                                                                         | 7         |
| 1.3. Quá trình hình thành và phát triển .....                                                            | 7         |
| 1.4. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty .....                                                        | 8         |
| 1.5. Cơ cấu tổ chức quản lý và bộ máy của Công ty .....                                                  | 8         |
| 2. Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trước cổ phần hóa .....                                    | 12        |
| 2.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm .....                                                | 12        |
| 2.2. Nguyên vật liệu .....                                                                               | 13        |
| 2.3. Chi phí sản xuất .....                                                                              | 13        |
| 2.4. Thị trường .....                                                                                    | 14        |
| 2.5. Trình độ công nghệ .....                                                                            | 14        |
| 2.6. Hệ thống quản lý chất lượng .....                                                                   | 15        |
| 2.7. Hoạt động marketing .....                                                                           | 15        |
| 2.8. Các hợp đồng lớn đã và đang thực hiện .....                                                         | 15        |
| 2.9. Tình hình đầu tư phát triển giai đoạn 3 năm trước cổ phần hóa .....                                 | 17        |
| 3. Thực trạng của công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp .....                              | 17        |
| 3.1. Thực trạng về tài sản và nguồn vốn .....                                                            | 17        |
| 3.2. Thực trạng về quản lý và sử dụng đất .....                                                          | 18        |
| 3.3. Thực trạng sử dụng nguồn nhân lực .....                                                             | 19        |
| 3.4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước<br>cổ phần hóa ..... | 20        |
| 4. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành .....                                | 21        |
| 5. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và các vấn đề cần tiếp tục xử lý .....                          | 21        |
| 5.1. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp .....                                                       | 21        |
| 5.2. Phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp .....                                                     | 22        |
| 5.3. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp .....                                                         | 22        |
| 5.4. Các vấn đề cần tiếp tục xử lý .....                                                                 | 24        |
| <b>PHẦN II NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA .....</b>                                                      | <b>25</b> |
| 1. Hình thức cổ phần hóa .....                                                                           | 25        |
| 2. Mục tiêu cổ phần hóa .....                                                                            | 25        |
| 3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa .....                                                              | 25        |

## CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ

|                                                                                     |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 4. Thông tin về Công ty cổ phần.....                                                | 26        |
| 5. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ .....                                          | 26        |
| 6. Phương thức chào bán cổ phần .....                                               | 27        |
| 6.1. Bán cổ phần cho người lao động .....                                           | 27        |
| 6.2. Bán cổ phần cho tổ chức Công đoàn .....                                        | 29        |
| 6.3. Bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược .....                                    | 29        |
| 6.4. Bán cổ phần lần đầu ra công chúng trong nước (IPO) .....                       | 29        |
| 7. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ việc bán cổ phần .....                         | 30        |
| 7.1. Chi phí cổ phần hóa .....                                                      | 30        |
| 7.2. Quản lý và sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa .....                               | 31        |
| <b>PHẦN III PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA .....</b>               | <b>33</b> |
| 1. Phương án tổ chức Công ty .....                                                  | 33        |
| 1.1. Đại hội đồng cổ đông.....                                                      | 33        |
| 1.2. Hội đồng quản trị .....                                                        | 33        |
| 1.3. Ban kiểm soát .....                                                            | 33        |
| 1.4. Ban Giám đốc .....                                                             | 33        |
| 2. Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau cổ phần hóa.....                               | 34        |
| 3. Kế hoạch phát triển Công ty sau cổ phần hóa .....                                | 35        |
| 3.1. Triển vọng phát triển .....                                                    | 35        |
| 3.2. Định hướng phát triển Công ty .....                                            | 35        |
| 3.3. Kế hoạch kinh doanh của Công ty 3 năm sau cổ phần hóa .....                    | 37        |
| 4. Phân tích các rủi ro dự kiến .....                                               | 38        |
| 4.1. Rủi ro kinh tế .....                                                           | 38        |
| 4.2. Rủi ro pháp lý .....                                                           | 39        |
| 4.3. Rủi ro đặc thù - rủi ro cạnh tranh.....                                        | 39        |
| 4.4. Rủi ro khác.....                                                               | 39        |
| 5. Phương án sắp xếp lại lao động.....                                              | 39        |
| 6. Phương án sử dụng Quỹ khen thưởng phúc lợi.....                                  | 40        |
| 6.1. Quỹ khen thưởng phúc lợi .....                                                 | 40        |
| 6.2. Phương án sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi .....                               | 40        |
| 7. Phương án sử dụng đất đã được cấp thẩm quyền phê duyệt .....                     | 41        |
| 8. Kế hoạch đăng ký giao dịch và niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán .... | 41        |
| 9. Kết luận và kiến nghị .....                                                      | 41        |
| <b>PHẦN IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA ĐƯỢC PHÊ DUYỆT .....</b>         | <b>41</b> |
| <b>PHẦN V DỰ THẢO ĐIỀU LỆ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN .....</b>                       | <b>42</b> |

**HỒ SƠ PHÁP LÝ PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA ĐÍNH KÈM**

- 1. Các văn bản pháp lý liên quan đến cổ phần hóa Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê** (Bao gồm phương án sử dụng đất được cấp thẩm quyền phê duyệt)
- 2. Phương án lao động**
  - a. Danh sách người lao động thường xuyên tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (mẫu 1);
  - b. Danh sách người lao động tiếp tục được sử dụng sau khi sắp xếp lại tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (mẫu 2);
  - c. Danh sách người lao động dôi dư (tuyển dụng trước ngày 21/04/1998) tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (mẫu 4);
  - d. Danh sách người lao động được mua cổ phần ưu đãi theo thâm niên làm việc tại doanh nghiệp nhà nước;
  - e. Danh sách người lao động đăng ký mua thêm cổ phần theo cam kết làm việc tại công ty cổ phần;
  - f. Công văn số 01/CĐ-IPH ngày 27/9/2017 của Công đoàn cơ sở Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê về việc mua cổ phần ưu đãi;
  - g. Biên bản đại hội công nhân viên chức bất thường;
  - h. Nghị quyết đại hội công nhân viên chức bất thường.
- 3. Báo cáo tài chính 3 năm (2015-2017) của Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê**
- 4. Phương án sản xuất kinh doanh giai đoạn 2018-2020**

**CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT**

| <b>Tên viết tắt</b> | <b>Diễn giải</b>                                                                                                                                        |
|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| In & PHBM TK        | Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu thống kê.                                                                                                     |
| CPA Hà Nội          | Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội, đơn vị tư vấn thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp cho Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu thống kê. |
| CT TNHH MTV         | Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên                                                                                                              |
| CBCNV               | Cán bộ công nhân viên                                                                                                                                   |
| CNVC                | Công nhân viên chức                                                                                                                                     |
| CPH                 | Cổ phần hóa                                                                                                                                             |
| TNNH MTV            | Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên                                                                                                                      |
| XDCB                | Xây dựng cơ bản                                                                                                                                         |
| TMXNK               | Thương mại xuất nhập khẩu                                                                                                                               |
| BCTC                | Báo cáo tài chính                                                                                                                                       |
| BCKQHĐKD            | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh                                                                                                                    |
| BCĐKT               | Bảng cân đối kế toán                                                                                                                                    |
| VCSH                | Vốn chủ sở hữu                                                                                                                                          |
| CSH                 | Chủ sở hữu                                                                                                                                              |
| GTDN                | Giá trị doanh nghiệp                                                                                                                                    |
| IPO                 | Đầu giá cổ phần lần đầu ra công chúng                                                                                                                   |
| ĐHĐCĐ               | Đại hội đồng cổ đông                                                                                                                                    |
| HĐQT                | Hội đồng quản trị                                                                                                                                       |
| BKS                 | Ban kiểm soát                                                                                                                                           |
| ROA                 | Hệ số lợi nhuận trên tổng tài sản                                                                                                                       |
| ROE                 | Hệ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu                                                                                                                     |
| QLDN                | Quản lý doanh nghiệp                                                                                                                                    |
| SXKD                | Sản xuất kinh doanh                                                                                                                                     |
| HĐLĐ                | Hợp đồng lao động                                                                                                                                       |
| UBND                | Ủy ban nhân dân                                                                                                                                         |
| TNDN                | Thu nhập doanh nghiệp                                                                                                                                   |
| QSDĐ                | Quyền sử dụng đất                                                                                                                                       |

## **CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN**

- 1. Các văn bản quy phạm pháp luật về việc cổ phần hóa**
  - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8;
  - Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ về việc Hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;
  - Nghị định 126/2017/NĐ-CP, ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;
  - Nghị định 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ về việc quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
  - Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần;
  - Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;
  - Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ về chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
  - Thông tư số 07/2018/TT-BLĐTBXH ngày 01/08/2018 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.
- 2. Các văn bản pháp lý liên quan đến cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên In và Phát hành biểu mẫu Thống kê**
  - Quyết định 292/QĐ-KTKDV ngày 21/8/2017 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc phê duyệt kế hoạch cổ phần hóa và thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê;
  - Quyết định 293/QĐ-ĐTKDV.BCĐCPH ngày 21/8/2017 của Trưởng ban chỉ đạo cổ phần hóa về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê;
  - Quyết định 76/QĐ-ĐTKDV ngày 28/3/2018 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc kiện toàn Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành

## **CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ**

---

viên In và Phát hành biểu mẫu Thống kê

- Hợp đồng tư vấn số: 88/2017/HĐCPH ngày 29/09/2017 được ký kết giữa Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê và Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội về việc thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê;
- Hợp đồng tư vấn số: 14/2017/HĐCPH-TVTC ngày 14/11/2017 được ký kết giữa Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội và Công ty cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội về việc tư vấn chuyển đổi Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Quyết định 68/QĐ-ĐTKDV.HĐTV của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước ngày 15/8/2018 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê;
- Quyết định 434/QĐ-ĐTKDV của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước ngày 20/11/2018 về việc phê duyệt Phương án sử dụng lao động để cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê.

**PHẦN I**

**GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA**

**1. Giới thiệu về Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê**

**1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính**

Tên công ty: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ**

Tên tiếng Anh: **PRINT AND STATISTICAL FORM PUBLISHPMENT COMPANY LIMITED**

Trụ sở chính: **Số 47-55, ngõ 54 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.**

Điện thoại: **(024) 3775 1597**

Fax: **(024) 3775 9401**

Mã số thuế: **0100111659**

**1.2. Ngành nghề kinh doanh**

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100111659, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/07/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 20/07/2017.

Ngành nghề kinh doanh bao gồm:

| Stt | Tên ngành                                                                                                                                           | Mã ngành     |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 1   | In chứng từ, biểu mẫu thống kê, kế toán, hóa đơn tài chính, xuất bản phẩm và giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;                                        | 1811 (Chính) |
| 2   | Phát hành sách, chứng từ ghi chép ban đầu, phiếu điều tra thống kê, biểu mẫu báo cáo và các loại giấy tờ sổ sách dùng trong quản lý kinh tế xã hội; | 1812         |
| 3   | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh giấy các loại, văn phòng phẩm;                       | 4761         |
| 4   | Kinh doanh văn hóa phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ;                                                                                                     | 4773         |
| 5   | Kinh doanh nhà nghỉ;                                                                                                                                | 5510         |
| 6   | Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát                                                                                                               | 5610         |

**1.3. Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty TNHH Một thành viên In và Phát hành biểu mẫu Thống kê tiền thân là Phòng phát hành trực thuộc Văn phòng Tổng cục Thống kê. Phòng được thành lập ngày 30/4/1976 theo Quyết định số 17/TCTK/QĐ của Tổng cục Thống kê. Phòng phát hành đã hoàn thành nhiệm vụ cấp phát mẫu biểu in sẵn của ngành theo kế hoạch, đồng thời quản lý thống nhất việc in và phát hành các loại biểu mẫu Thống kê – Kế toán thống nhất của Nhà nước ban hành cho các đơn vị kinh tế cơ sở.

Ngày 10/10/1977, Tổng cục Thống kê đã có Quyết định số 736/TCTK-QĐ về việc chuyển Phòng phát hành biểu mẫu thành Quốc doanh Phát hành biểu mẫu Thống kê là đơn vị trực thuộc văn phòng Tổng cục Thống kê.

Ngày 14/10/1989, Tổng cục Thống kê có Quyết định số 193-TCTK/QĐ chuyển Quốc doanh

## CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ

Phòng phát hành biểu mẫu thành Công ty sản xuất và dịch vụ tổng hợp. Công ty có nhiệm vụ quản lý thống nhất việc in và phát hành các loại biểu mẫu, các báo cáo thống kê - kế toán của Nhà nước ban hành cho các đơn vị kinh tế cơ sở, tiến tới quản lý thống nhất việc in và phát hành các loại sách nghiệp vụ và tạp chí thống kê, từng bước hỗ trợ các ngành cung cấp một phần chứng từ sổ sách hạch toán cho các đơn vị hạch toán cơ sở. Bên cạnh đó, Công ty còn được liên doanh, liên kết với các ngành, các địa phương và các thành phần kinh tế để tổ chức sản xuất và dịch vụ sản xuất phù hợp với cơ sở vật chất kỹ thuật và lao động của Công ty. Sản phẩm sản xuất ra được tự khai thác, tự tiêu thụ hoặc uỷ thác xuất khẩu theo chế độ quản lý xuất nhập khẩu của Nhà nước.

Ngày 04/6/1993, Tổng cục Thống kê có Quyết định số 36/QĐ/TCTK về việc thành lập Công ty Phát hành biểu mẫu Thống kê với vốn kinh doanh là 344 triệu đồng. Ban đầu, Công ty không có Giấy phép hoạt động ngành in. Với chức năng chỉ đặt in và phát hành nên giá thành biểu mẫu khó cạnh tranh, sản xuất kinh doanh không hiệu quả. Được sự đồng ý của Tổng cục Thống kê, ngày 27 tháng 11 năm 2000 Công ty Phát hành biểu mẫu Thống kê được Cục xuất bản Bộ Văn hoá thông tin cấp Giấy phép hoạt động ngành in số 128/GP - In. Ngày 04 tháng 02 năm 2004 Tổng cục Thống kê có Quyết định số 146/QĐ-TCTK về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty Phát hành biểu mẫu Thống kê.

Ngày 30/5/2011 Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ký Quyết định số 715/QĐ-BKHĐT về việc chuyển Công ty Phát hành biểu mẫu Thống kê thành Công ty TNHH một thành viên In và Phát hành biểu mẫu Thống kê.

Ngày 07/11/2012 Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội đã cấp đăng ký kinh doanh số 0100111659 cho Công ty TNHH một thành viên In và Phát hành biểu mẫu Thống kê

Ngày 19/10/2016 Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) đã ký biên bản chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê.

Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê tiến hành các thủ tục chuyển đổi theo quy định của pháp luật. Ngày 20/7/2017 Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần thứ 4) do thay đổi chủ sở hữu từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư sang Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC).

Các thành tích đạt được:

- Năm 2011; 2014; 2015 đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc của Tổng cục Thống kê
- Năm 2016 Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê được nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về đã có thành tích xuất sắc trong công tác.

### 1.4. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Kể từ trở thành Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê tới nay, Công ty chưa thực hiện tăng vốn điều lệ.

### 1.5. Cơ cấu tổ chức quản lý và bộ máy của Công ty

Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê được tổ chức theo mô hình Chủ tịch công ty (Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty), cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty bao gồm:

#### 1.5.1. Bộ máy quản lý và điều hành

✚ Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty: Do Chủ sở hữu bổ nhiệm. Chủ tịch Công ty nhân

## CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ

---

danh chủ sở hữu tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu Công ty, chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu và pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

- Tổ chức xây dựng và quyết định chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm của Công ty, quyết định các hợp đồng vay, cho vay, phương án huy động vốn đối với từng dự án, dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định, dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp và hợp đồng khác có giá trị dưới 50% vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp được ghi trên Báo cáo tài chính quý hoặc Báo cáo tài chính năm gần nhất của Công ty;
- Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, tiền lương với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng công ty sau khi được Chủ sở hữu chấp thuận;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

✚ **Kiểm soát viên:** do Chủ sở hữu bổ nhiệm, có nhiệm vụ giúp chủ sở hữu kiểm tra công việc quản lý điều hành của Chủ tịch công ty, Giám đốc; Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và báo cáo khác trước khi trình Chủ sở hữu hoặc cơ quan nhà nước có liên quan; Kiến nghị Chủ sở hữu các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty; và các nhiệm vụ khác theo quy định tại điều lệ Công ty.

✚ **Giám đốc:** điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch phù hợp với Điều lệ công ty và các nghị quyết, quyết định của Chủ tịch công ty; Giám đốc chịu trách nhiệm trước Chủ tịch công ty và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc có các quyền sau:

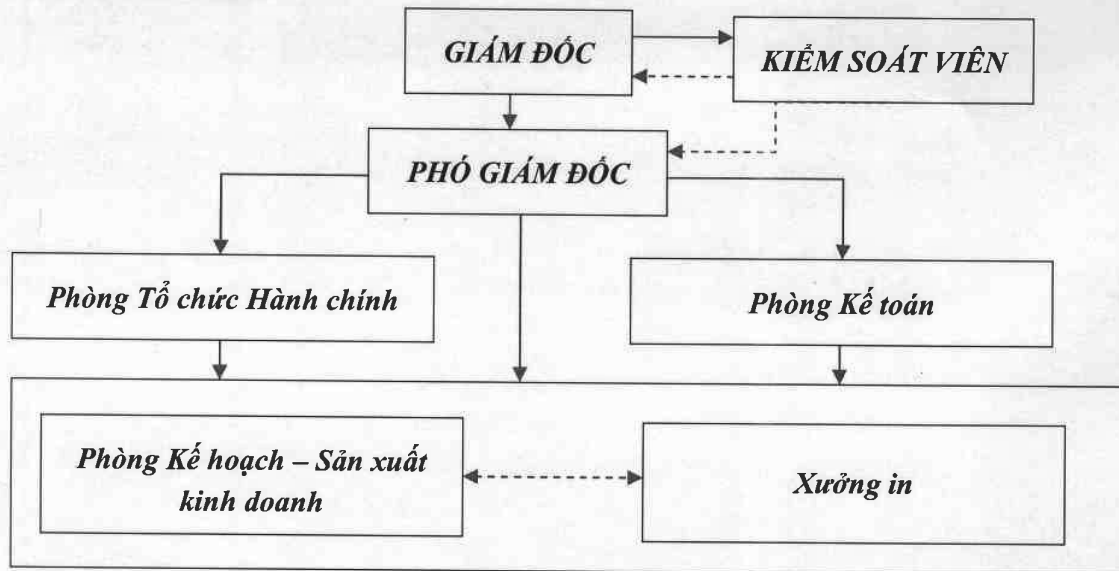
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- Ban hành quy chế quản lý nội bộ của Công ty theo phân cấp của Chủ tịch Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty;
- Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức Công ty;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Chủ tịch công ty;
- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Tuyển dụng lao động theo biên chế và số lượng được Chủ tịch Công ty phê duyệt.

✚ **Phó Giám đốc:** giúp Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền;

## CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ

- ✚ **Kế toán trưởng:** Tổ chức thực hiện công tác kế toán của Công ty; giúp Giám đốc giám sát tài chính tại Công ty theo quy định của Pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

### 1.5.2. Sơ đồ tổ chức:



Ghi chú:

- > : Quan hệ điều hành  
-----> : Quan hệ giám sát  
←----- : Quan hệ phối hợp

### 1.5.3. Chức năng nhiệm vụ của các bộ phận, phòng ban

**Các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ:** có chức năng tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch, Giám đốc trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty, bao gồm:

#### ✚ Phòng Tổ chức - Hành chính

- Có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Giám đốc trong việc xây dựng, sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý, xây dựng quy hoạch cán bộ, đào tạo bồi dưỡng tuyển dụng cán bộ và đào tạo lại bổ sung nguồn nhân lực. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách cho người lao động về: tiền lương, lao động, bảo hiểm. Phụ trách công tác bảo vệ.
- Tham mưu và giúp việc cho Ban Giám đốc các công việc liên quan đến công tác quản lý hành chính của Công ty: Quản lý tài sản trang thiết bị văn phòng, quản lý điều hành các phương tiện đi lại, theo dõi và quản lý việc thực hiện thời gian làm việc, ngày công lao động, thực hiện nếp sống văn hóa doanh nghiệp, sửa đổi điều lệ phù hợp với hoạt động sản xuất của công ty và các quy định chung của công ty về mặt hành chính. Là đầu mối thông tin, liên lạc, văn thư lưu trữ.

#### ✚ Phòng Kế toán

- Tham mưu giúp Giám đốc trong việc thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài

## **CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ**

---

chính kế toán, hạch toán kế toán, thông tin kinh tế, phân tích hoạt động kinh tế, kiểm soát tài chính kế toán tại công ty. Thực hiện chức năng kiểm soát viên nhà nước tại công ty. Quản lý và sử dụng vốn ngân sách và các nguồn vốn do công ty huy động.

- Theo dõi, quản lý và thu hồi công nợ khách hàng trong toàn bộ hệ thống kênh phân phối của Công ty, đề xuất với Phòng Kế hoạch – Sản xuất kinh doanh ngưng giao dịch với những khách hàng còn tồn đọng công nợ và thời gian nợ quá mức cho phép;
- Kiểm soát toàn bộ các hoạt động sản xuất của Công ty liên quan đến chi phí và doanh thu;
- Kiểm soát toàn bộ việc thực hiện tính pháp lý của các hợp đồng mua bán đúng theo quy định của công ty và của pháp luật;
- Kiểm soát quá trình nghiệm thu tất cả các chủng loại hàng hóa đầu vào;
- Thực hiện các công việc về tài chính – kế toán của Công ty; phân tích, đánh giá tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty;
- Kiểm tra, giám sát tình hình, công tác tài chính kế toán để đảm bảo tuân thủ quy chế của Công ty và các quy định liên quan của Pháp luật. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực phản ánh đầy đủ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trước Ban Giám đốc.
- Hướng dẫn các đơn vị thực hiện chế độ, chính sách tài chính, kế toán, thống kê, báo cáo tài chính kế toán tại các đơn vị trực thuộc, tự kiểm tra việc chấp hành các chế độ chính sách và kỷ luật thu chi tài chính để hạn chế và tránh những sai sót trong việc sử dụng vốn và quản lý tài sản.

### **✦ Phòng Kế hoạch – Sản xuất kinh doanh**

- Nắm vững các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm đã được phê duyệt, là đầu mối giữa các phòng ban và Xưởng in với Ban Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các phương án sản xuất kinh doanh đã được Giám đốc công ty chuẩn y.
- Nhận toàn bộ các đơn đặt hàng (đầu vào), phối hợp Phòng kế toán, Xưởng in để triển khai thực hiện.
- Tham mưu cho Giám đốc về tính khả thi, hiệu quả các hợp đồng.

### **✦ Xưởng In**

- Xưởng in là bộ phận sản xuất tương đương cấp phòng ban trong công ty.
- Ban Quản đốc Xưởng in có trách nhiệm phối hợp cùng Phòng Kế hoạch- sản xuất kinh doanh của công ty đảm bảo mọi hoạt động sản xuất in đúng pháp luật và có hiệu quả.

## CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ

### 2. Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trước cổ phần hóa

#### 2.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

##### 2.1.1. Cơ cấu doanh thu

Cơ cấu tổng doanh thu trước cổ phần hóa giai đoạn 2014-2016 và 9 tháng 2017:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| Chỉ tiêu               | Năm 2014     |            | Năm 2015     |            | Năm 2016      |            | 9 tháng 2017 |            |
|------------------------|--------------|------------|--------------|------------|---------------|------------|--------------|------------|
|                        | Giá trị      | Tỷ lệ (%)  | Giá trị      | Tỷ lệ (%)  | Giá trị       | Tỷ lệ (%)  | Giá trị      | Tỷ lệ (%)  |
| 1. Doanh thu thuần     | 6.081        | 99,90      | 6.043        | 99,93      | 10.750        | 99,93      | 4.672        | 99,94      |
| 2. Doanh thu tài chính | 6            | 0,10       | 4            | 0,07       | 7             | 0,07       | 3            | 0,06       |
| 3. Thu nhập khác       | -            | -          | -            | -          | -             | -          | -            | -          |
| <b>Tổng cộng</b>       | <b>6.087</b> | <b>100</b> | <b>6.047</b> | <b>100</b> | <b>10.757</b> | <b>100</b> | <b>4.675</b> | <b>100</b> |

*Nguồn: BCTC năm 2014, 2015, 2016 và kỳ hoạt động từ 1/1/2017 đến ngày 30/9/2017 đã được kiểm toán của CT TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu thống kê*

Doanh thu của Công ty có tăng trưởng trong năm 2016 so với các năm 2014 và 2015. Nguyên nhân chủ yếu do trong năm 2016, Công ty trúng thầu Hợp đồng cung cấp mẫu biểu phục vụ cuộc Tổng điều tra kinh tế năm 2017 do Tổng cục thống kê thực hiện.

##### 2.1.2. Cơ cấu doanh thu theo hoạt động sản xuất kinh doanh

Cơ cấu doanh thu thuần theo hoạt động sản xuất kinh doanh trước cổ phần hóa giai đoạn 2014-2016 và 9 tháng 2017.

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| Chỉ tiêu                     | Năm 2014     |            | Năm 2015     |            | Năm 2016      |            | 9 tháng 2017 |            |
|------------------------------|--------------|------------|--------------|------------|---------------|------------|--------------|------------|
|                              | Giá trị      | Tỷ lệ (%)  | Giá trị      | Tỷ lệ (%)  | Giá trị       | Tỷ lệ (%)  | Giá trị      | Tỷ lệ (%)  |
| Doanh thu thuần              |              |            |              |            |               |            |              |            |
| - Doanh thu bán hàng hóa     | 1.080        | 17,76      | 370          | 6,12       | 2.984         | 27,76      | 1.308        | 27,99      |
| - Doanh thu bán thành phẩm   | 4.482        | 73,71      | 5.055        | 83,65      | 7.260         | 67,53      | 3.000        | 64,20      |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 519          | 8,53       | 617          | 10,21      | 506           | 4,71       | 364          | 7,81       |
| <b>Tổng cộng</b>             | <b>6.081</b> | <b>100</b> | <b>6.043</b> | <b>100</b> | <b>10.750</b> | <b>100</b> | <b>4.672</b> | <b>100</b> |

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2014, 2015, 2016 và kỳ hoạt động từ 1/1/2017 đến ngày 30/9/2017 của CT TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu thống kê*

Trong cơ cấu doanh thu của Công ty, doanh thu bán thành phẩm chiếm tỷ trọng cao nhất. Đây là hoạt động cung cấp sản phẩm in cho khách hàng bao gồm từ khâu thiết kế, cung cấp

## CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ

giấy và in ấn. Tuy nhiên, tỷ trọng của mảng sản phẩm này cũng có xu hướng giảm dần. Tỷ trọng doanh thu hàng hóa có chiều hướng tăng lên. Đây chủ yếu là hoạt động in ấn cho khách hàng mà trong đó, khách hàng sẽ cung cấp giấy in, Công ty chỉ thực hiện việc in ấn theo yêu cầu của khách.

### 2.2. Nguyên vật liệu

#### ✚ Nguồn nguyên vật liệu

Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu thống kê là một đơn vị hoạt động trong lĩnh vực in ấn. Nguyên vật liệu chính mà Công ty sử dụng là: Giấy các loại (Giấy Bãi Bằng, Couches, Duplex, Offset ...).

Bên cạnh nguyên vật liệu chính là giấy in, để hoàn thành sản phẩm, Công ty còn sử dụng thêm các nguyên vật liệu phụ như: mực in các màu, bản kẽm, thanh nhôm nẹp cao su, sửa rửa bản, thuốc hiện bản...

Hiện tại, nguồn nguyên vật liệu của Công ty đang được cung cấp bởi nhiều đối tác có quan hệ giao dịch lâu năm như:

- Công ty TNHH Bao bì và Giấy Phương Bắc
- Công ty TNHH In và Dịch vụ thương mại Phú Thịnh
- Công ty TNHH Công nghiệp giấy và Sản xuất bao bì Ngọc Diệp
- Công ty TNHH Quốc tế Vạn Phú Gia
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bao bì An Thịnh
- Công ty Cổ phần An Hùng Minh
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu ngành in SIC

✚ **Sự ổn định của các nguồn cung cấp:** Hiện tại, nguồn nguyên vật liệu phục vụ ngành in ấn được cung cấp bởi nhiều nhà cung cấp. Các nhà cung cấp nguyên vật liệu hiện tại cho Công ty đều là những doanh nghiệp chuyên kinh doanh giấy và vật tư, có quan hệ kinh tế lâu năm với Công ty. Do vậy, nguồn nguyên vật liệu cung cấp cho Công ty luôn ổn định và chất lượng được đảm bảo.

✚ **Khái quát ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận:** Trong cơ cấu giá thành sản phẩm của công ty bao gồm chi phí cho vật tư chính (giấy), chi phí cho vật tư phụ (mực in, bản kẽm in, phụ gia ...) và các chi phí khác (công in ...). Trong cơ cấu này, chi phí cho vật tư chính chiếm tỷ trọng từ 50% - 70% tổng chi phí. Đối với một số hợp đồng, khách hàng trực tiếp cung cấp nguyên vật liệu chính và Công ty chỉ thực hiện gia công in, chi phí nguyên vật liệu chỉ còn chi phí cho vật tư phụ và chi phí khác. Trong trường hợp này, chi phí nguyên vật liệu sẽ chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu giá thành. Do vậy, doanh thu sẽ bị giảm đáng kể và lợi nhuận cũng sẽ giảm theo.

### 2.3. Chi phí sản xuất

Cơ cấu chi phí theo hoạt động sản xuất kinh doanh trước cổ phần hóa giai đoạn 2014 – 2016 và 09 tháng 2017.

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| Chỉ tiêu | Năm 2014 |       | Năm 2015 |       | Năm 2016 |       | 9 tháng 2017 |       |
|----------|----------|-------|----------|-------|----------|-------|--------------|-------|
|          | Giá trị  | %DT   | Giá trị  | %DT   | Giá trị  | %DT   | Giá trị      | %DT   |
| Giá vốn  | 5.204    | 85,58 | 5.286    | 87,47 | 9.335    | 86,84 | 3.934        | 84,19 |

## CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ

| Chỉ tiêu          | Năm 2014     |              | Năm 2015     |              | Năm 2016      |              | 9 tháng 2017 |              |
|-------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|---------------|--------------|--------------|--------------|
|                   | Giá trị      | %DT          | Giá trị      | %DT          | Giá trị       | %DT          | Giá trị      | %DT          |
| hàng bán          |              |              |              |              |               |              |              |              |
| Chi phí bán hàng  | 5            | 0,08         | -            | -            | 10            | 0,09         | 39           | 0,84         |
| Chi phí QLDN      | 797          | 13,11        | 704          | 11,65        | 956           | 8,89         | 658          | 14,08        |
| Chi phí tài chính | 36           | 0,59         | -            | -            | 11            | 0,10         | -            | -            |
| Chi phí khác      | -            | -            | -            | -            | -             | -            | -            | -            |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b>6.042</b> | <b>99,36</b> | <b>5.990</b> | <b>99,12</b> | <b>10.312</b> | <b>95,93</b> | <b>4.631</b> | <b>99,10</b> |

*Nguồn: BCTC năm 2014, 2015, 2016 và kỳ hoạt động từ 1/1/2017 đến ngày 30/9/2017 đã được kiểm toán của CT TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu thống kê*

Trong cơ cấu tổng chi phí của Công ty, Giá vốn hàng bán và Chi phí quản lý doanh nghiệp là hai khoản mục chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất. Tỷ trọng chi phí trên doanh thu tương đối ổn định và có xu hướng giảm. Trong đó, tỷ trọng chi phí trên doanh thu năm 2016 giảm mạnh nhất. Tổng chi phí năm 2016 có sự tăng đột biến so với các năm 2014 và 2015, do Công ty trúng thầu cung cấp biểu mẫu phục vụ đợt Tổng điều tra kinh tế năm 2017 của Tổng Cục thống kê dẫn đến chi phí cũng tăng theo.

### 2.4. Thị trường

Hiện tại, Công ty tập trung vào các sản phẩm: In ấn các mẫu biểu, sổ sách phục vụ điều tra của ngành thống kê (chiếm 30% doanh thu), Bao bì nhãn mác hàng hóa (chiếm 20% doanh thu), Hóa đơn thuế Giá trị gia tăng, vé thu phí (chiếm 10% doanh thu), Các loại tờ rơi, tờ gấp, tạp chí, Catalogue (chiếm 30% doanh thu) và in ấn phục vụ các khách hàng nhỏ lẻ khác. Thị trường in ấn hiện tại có rất nhiều doanh nghiệp, bao gồm cả các doanh nghiệp tư nhân tham gia. Do vậy, mức độ cạnh tranh trong lĩnh vực in ấn là rất lớn. Tuy nhiên, Công ty có lợi thế là đơn vị có kinh nghiệm nhiều năm cung cấp sản phẩm Biểu mẫu phục vụ điều tra của ngành thống kê. Đây là sản phẩm Công ty đã cung cấp nhiều năm cho Tổng Cục thống kê khi còn là đơn vị trực thuộc Tổng Cục thống kê.

### 2.5. Trình độ công nghệ

Danh mục máy móc thiết bị hiện tại của Công ty:

| STT | Tên tài sản           | Xuất xứ  | Năm sản xuất | Năm đưa vào sử dụng | ĐVT | Số lượng |
|-----|-----------------------|----------|--------------|---------------------|-----|----------|
| (1) | (2)                   | (3)      | (4)          | (5)                 | (6) | (7)      |
| 1   | Máy phơi bản          | Việt Nam | 1996         | 1996                | Cái | 1        |
| 2   | Máy dao xén giấy 1.2m | Nhật Bản | 1990         | 2002                | Cái | 1        |

## CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ

| STT | Tên tài sản                                    | Xuất xứ    | Năm sản xuất | Năm đưa vào sử dụng | ĐVT | Số lượng |
|-----|------------------------------------------------|------------|--------------|---------------------|-----|----------|
| 3   | Máy in L240 2 màu 16 trang                     | Nhật Bản   | 1992         | 2006                | Cái | 1        |
| 4   | Máy in số nhảy và răng cưa (TQ)                | Trung Quốc | 2010         | 2010                | Cái | 1        |
| 5   | Xe nâng hàng                                   | Nhật Bản   | 1999         | 2010                | Cái | 1        |
| 6   | Máy in Offset L-32, 1 màu 16 trang             | Nhật Bản   | 1990         | 2011                | Cái | 1        |
| 7   | Máy gấp giấy tự động đã qua sử dụng hiệu Shoei | Trung Quốc | 1993         | 2012                | Cái | 1        |
| 8   | Máy vào bìa 1 kệp Horizon BQ250 đã qua sử dụng | Nhật Bản   | 1995         | 2012                | Cái | 1        |
|     | <b>TỔNG CỘNG:</b>                              |            |              |                     |     | <b>8</b> |

*Nguồn: CT TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu thống kê*

Hiện tại, hệ thống máy móc của Công ty chủ yếu là các trang thiết bị đã qua sử dụng, có tuổi đời cao. Các máy móc lại không đồng bộ nên không đáp ứng yêu cầu đa dạng sản phẩm. Bên cạnh đó, số lượng máy móc không nhiều nên gặp khó khăn trong việc đáp ứng yêu cầu tiến độ của khách hàng.

### 2.6. Hệ thống quản lý chất lượng

Hiện tại, Công ty không có hệ thống quản lý chất lượng chuyên trách. Việc quản lý chất lượng được gán trách nhiệm của từng cá nhân trong từng khâu sản xuất. Khâu đầu vào kiểm soát bông bài, mẫu mã, dữ liệu điện tử của khách hàng sẽ do trưởng phòng Kế hoạch – Sản xuất kinh doanh chịu trách nhiệm. Khi chuyển sang khâu in và gia công sau in sẽ do tổ trưởng xưởng in chịu trách nhiệm kiểm soát chất lượng.

### 2.7. Hoạt động marketing

Hoạt động Marketing của Công ty trong những năm qua không được chú trọng. Công ty không có bộ phận chuyên trách thực hiện nhiệm vụ Marketing giới thiệu sản phẩm. Hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm mới chỉ dừng ở mức độ quảng cáo trên trang thông tin điện tử của ngành thống kê và trên một số trang mạng xã hội.

### 2.8. Các hợp đồng lớn đã và đang thực hiện

| STT | Tên đối tác         | Thời gian | Giá trị hợp đồng (đồng) | Sản phẩm   |
|-----|---------------------|-----------|-------------------------|------------|
| 1   | Công ty TNHH MTV In | 01/6/2016 | 634.403.978             | In và phát |

**CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ**

| STT | Tên đối tác                                    | Thời gian  | Giá trị hợp đồng (đồng) | Sản phẩm                                                                                             |
|-----|------------------------------------------------|------------|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | thống kê TP.Hồ Chí Minh                        |            |                         | hành 6 cuốn tài liệu tập huấn Tổng điều tra Nông thôn, Nông nghiệp và Thủy sản năm 2016              |
| 2   | Công ty TNHH MTV In thống kê TP.Hồ Chí Minh    | 24/6/2016  | 267.918.600             | Sổ tay và phiếu các loại khảo sát mức sống dân cư                                                    |
| 3   | Công ty TNHH MTV In thống kê TP.Hồ Chí Minh    | 12/9/2016  | 2.972.429.440           | In và vận chuyển tài liệu Tổng điều tra Nông thôn, Nông nghiệp và Thủy sản năm 2016                  |
| 4   | Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Bao bì An Thịnh | 27/12/2016 | 671.327.194             | In, gia công tem mác các loại                                                                        |
| 5   | Công ty TNHH MTV In thống kê TP.Hồ Chí Minh    | 29/12/2016 | 593.039.830             | In và vận chuyển tài liệu gói thầu Điều tra người khuyết tật 2016 và điều tra Lao động việc làm 2017 |
| 6   | Công ty cổ phần In khoa học công nghệ mới      | 08/5/2017  | 280.290.560             | In phiếu điều tra Tổng điều                                                                          |

**CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ**

| STT | Tên đối tác                                 | Thời gian | Giá trị hợp đồng (đồng) | Sản phẩm                                               |
|-----|---------------------------------------------|-----------|-------------------------|--------------------------------------------------------|
|     |                                             |           |                         | tra kinh tế                                            |
| 7   | Công ty TNHH MTV In thống kê TP.Hồ Chí Minh | 12/5/2017 | 966.450.475             | In phát hành Xuất bản phẩm Tổng điều tra kinh tế       |
| 8   | Tạp chí con số và sự kiện                   | 13/7/2017 | 179.974.873             | Chuyên san tuyên truyền Tổng điều tra kinh tế năm 2017 |
| 9   | Công ty cổ phần In khoa học công nghệ mới   | 01/8/2017 | 218.447.727             | Niên giám thống kê năm 2016                            |

Nguồn: CT TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê

**2.9. Tình hình đầu tư phát triển giai đoạn 3 năm trước cổ phần hóa**

- Trong thời gian 03 năm trước cổ phần hóa, Công ty vẫn duy trì hoạt động sản xuất dựa trên trang thiết bị máy móc hiện có. Công ty không có hoạt động đầu tư phát triển trong giai đoạn này.

**3. Thực trạng của công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp**

**3.1. Thực trạng về tài sản và nguồn vốn**

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 01/10/2017, tổng tài sản theo sổ sách kế toán của Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê là 3.042.728.865 đồng.

Đơn vị tính: đồng

| STT        | Chỉ tiêu                           | Giá trị              |
|------------|------------------------------------|----------------------|
| <b>A</b>   | <b>TỔNG TÀI SẢN</b>                | <b>3.042.728.865</b> |
| <b>I</b>   | <b>Tài sản ngắn hạn</b>            | <b>2.800.539.059</b> |
| 1          | Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.121.811.524        |
|            | - Tiền mặt tại quỹ                 | 182.945.724          |
|            | - Tiền gửi ngân hàng               | 938.865.800          |
| 2          | Các khoản phải thu ngắn hạn        | 1.222.222.425        |
| 3          | Hàng tồn kho                       | 456.338.540          |
| 4          | Tài sản ngắn hạn khác              | 166.570              |
| <b>II</b>  | <b>Tài sản dài hạn</b>             | <b>242.189.806</b>   |
| 1          | Tài sản cố định                    | 174.786.579          |
|            | - Tài sản cố định hữu hình         | 174.786.579          |
| 2          | Tài sản dài hạn khác               | 67.403.227           |
| <b>B</b>   | <b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>              | <b>3.042.728.865</b> |
| <b>I</b>   | <b>Nợ phải trả</b>                 | <b>987.772.746</b>   |
| <b>I.1</b> | <b>Nợ ngắn hạn</b>                 | <b>987.772.746</b>   |
| 1          | Phải trả người bán ngắn hạn        | 625.077.331          |

## CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ

| STT       | Chỉ tiêu                            | Giá trị              |
|-----------|-------------------------------------|----------------------|
| 2         | Người mua trả tiền trước ngắn hạn   | 7.300.000            |
| 3         | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 85.741.192           |
| 4         | Phải trả người lao động             | 72.010.670           |
| 5         | Phải trả ngắn hạn khác              | 129.175.629          |
| 6         | Quỹ khen thưởng phúc lợi            | 68.467.924           |
| <b>II</b> | <b>Vốn chủ sở hữu</b>               | <b>2.054.956.119</b> |
| 1         | Vốn góp của chủ sở hữu              | 990.588.911          |
| 2         | Quỹ đầu tư phát triển               | 1.032.834.010        |
| 3         | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối   | 31.533.198           |

Nguồn: BCTC 9 tháng đầu năm 2017 đã kiểm toán của CT TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê

Tình hình công nợ phải thu của doanh nghiệp tại thời điểm 01/10/2017

Đơn vị: đồng

| STT       | Chỉ tiêu                           | Giá trị              |
|-----------|------------------------------------|----------------------|
| <b>I</b>  | <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b> | <b>1.222.222.425</b> |
| 1         | Phải thu ngắn hạn khách hàng       | 1.072.217.425        |
| 2         | Trả trước cho người bán ngắn hạn   | 150.005.000          |
| <b>II</b> | <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>  | -                    |
| <b>@</b>  | <b>Tổng cộng</b>                   | <b>1.222.222.425</b> |

Nguồn: BCTC 9 tháng đầu năm 2017 đã kiểm toán của CT TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê

Tình hình công nợ phải trả của doanh nghiệp tại thời điểm 01/10/2017

Đơn vị: đồng

| STT       | Chỉ tiêu                            | Giá trị            |
|-----------|-------------------------------------|--------------------|
| <b>I</b>  | <b>Nợ ngắn hạn</b>                  | <b>987.772.746</b> |
| 1         | Phải trả người bán ngắn hạn         | 625.077.331        |
| 2         | Người mua trả tiền trước ngắn hạn   | 7.300.000          |
| 3         | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 85.741.192         |
| 4         | Phải trả người lao động             | 72.010.670         |
| 5         | Phải trả ngắn hạn khác              | 129.175.629        |
| 6         | Quỹ khen thưởng, phúc lợi           | 68.467.924         |
| <b>II</b> | <b>Nợ dài hạn</b>                   | -                  |
| <b>@</b>  | <b>Nợ phải trả</b>                  | <b>987.772.746</b> |

Nguồn: BCTC 9 tháng đầu năm 2017 đã kiểm toán của CT TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê

### 3.2. Thực trạng về quản lý và sử dụng đất

Công ty đang quản lý và sử dụng các lô đất tại địa chỉ: số 47 và 55 ngõ 54 phố Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội với tổng diện tích là 828 m<sup>2</sup>. Phần diện tích này bao gồm 02 khu: Khu I có diện tích 343,9 m<sup>2</sup> và Khu II có diện tích 484,1 m<sup>2</sup>. Chi tiết về các khu đất như sau:

| STT      | Tên khu đất                                 | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Thời hạn thuê đất | Ghi chú |
|----------|---------------------------------------------|-----------------------------|-------------------|---------|
| <b>A</b> | <b>Phần đất nằm ngoài chỉ giới đường đỏ</b> |                             |                   |         |
| 1        | Khu I                                       | 295,6                       | 50 năm kể từ      |         |

**CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ**

| STT              | Tên khu đất                                 | Diện tích (m2) | Thời hạn thuê đất | Ghi chú                                                                                                                            |
|------------------|---------------------------------------------|----------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2                | Khu II                                      | 468,1          | ngày 15/10/1993   |                                                                                                                                    |
| <b>Tổng cộng</b> |                                             | <b>763,7</b>   |                   |                                                                                                                                    |
| <b>B</b>         | <b>Phần đất nằm trong chỉ giới đường đỏ</b> |                |                   |                                                                                                                                    |
| 1                | Khu I                                       | 48,3           | Thuê đất hàng năm | Công ty quản lý sử dụng theo hiện trạng, không được xây dựng thêm công trình, khi Nhà nước thu hồi phải bàn giao lại theo quy định |
| 2                | Khu II                                      | 16,0           |                   |                                                                                                                                    |
| <b>Tổng cộng</b> |                                             | <b>64,3</b>    |                   |                                                                                                                                    |

Công ty đã được UBND thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CG 666133 ngày 17/5/2017 và Quyết định 4506/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 với thời hạn thuê đất là 50 năm tính từ ngày 15/10/1993. Mục đích sử dụng đất là làm trụ sở, văn phòng làm việc của Công ty. Hình thức thuê đất là thuê đất trả tiền hàng năm.

Theo kế hoạch tại quyết định số 4506/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội, đến năm 2020, Công ty dự kiến di dời nhà xưởng sản xuất. Hiện trạng Khu I hiện 2/3 diện tích đang là nhà cấp 4 từ lâu năm rất không an toàn, Công ty sẽ xin phép cơ quan chức năng cải tạo, xây dựng lại làm trụ sở, văn phòng và kinh doanh dịch vụ theo ngành nghề trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty

**3.3. Thực trạng sử dụng nguồn nhân lực**

| Khoản mục                             | ĐVT               | Năm 2016 | 9 tháng đầu năm 2017 |
|---------------------------------------|-------------------|----------|----------------------|
| Tổng số lao động                      | Người             | 23       | 22                   |
| Trong đó:                             |                   |          |                      |
| Lãnh đạo, quản lý                     | Người             | 2        | 2                    |
| Lao động gián tiếp                    | Người             | 7        | 7                    |
| Lao động trực tiếp                    | Người             | 14       | 13                   |
| Số lao động đã ký kết HĐLĐ            | Người             | 21       | 20                   |
| Trong đó:                             |                   |          |                      |
| Chủ sở hữu bổ nhiệm (CT kiêm GD; KSV) | Người             | 2        | 2                    |
| HĐLĐ không xác định thời hạn          | Người             | 8        | 13                   |
| HĐLĐ có thời hạn từ 12-36 tháng       | Người             | 11       | 6                    |
| HĐLĐ có thời hạn từ 03-12 tháng       | Người             | 2        | 1                    |
| Tổng quỹ tiền lương, thu nhập         | Tr.đồng           | 1.977    | 1.349                |
| Tiền lương, thu nhập bình quân        | Tr.đồng/<br>người | 7,2      | 6,8                  |
| Số LĐ đã tham gia BHXH-BHYT-BHTN      | Người             | 23       | 22                   |
| Số tiền đóng BHXH-BHYT-BHTN           | Tr.đồng           | 410      | 299                  |
| Số tiền nợ đóng BHXH-BHYT-BHTN        | Tr.đồng           | 0        | 0                    |

Nguồn: CT TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê

## CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ

### 3.4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước cổ phần hóa

Số liệu chi tiết được tóm tắt ở bảng dưới như sau:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| STT                                                            | Chỉ tiêu                              | Năm<br>2014  | Năm<br>2015  | Năm<br>2016   | 9 tháng<br>2017 |
|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------|--------------|---------------|-----------------|
| <b>Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán:</b>                 |                                       |              |              |               |                 |
| <b>I</b>                                                       | <b>Tổng tài sản</b>                   | <b>3.496</b> | <b>3.565</b> | <b>5.312</b>  | <b>3.043</b>    |
| 1                                                              | Tài sản ngắn hạn                      | 2.976        | 3.240        | 5.001         | 2.801           |
| 2                                                              | Tài sản dài hạn                       | 519          | 325          | 311           | 242             |
| <b>II</b>                                                      | <b>Vốn chủ sở hữu</b>                 | <b>1.717</b> | <b>1.774</b> | <b>2.167</b>  | <b>2.055</b>    |
| <b>III</b>                                                     | <b>Nợ phải trả</b>                    | <b>1.778</b> | <b>1.790</b> | <b>3.145</b>  | <b>988</b>      |
| 1                                                              | Nợ ngắn hạn                           | 1.528        | 1.790        | 3.145         | 988             |
| 2                                                              | Nợ dài hạn                            | 250          | -            | -             | -               |
| <b>IV</b>                                                      | <b>Khoản phải thu</b>                 | <b>1.693</b> | <b>2.194</b> | <b>2.703</b>  | <b>1.222</b>    |
| 1                                                              | Khoản phải thu ngắn hạn               | 1.693        | 2.194        | 2.703         | 1.222           |
| 2                                                              | Khoản phải thu dài hạn                | -            | -            | -             | -               |
| <b>Các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:</b> |                                       |              |              |               |                 |
| <b>I</b>                                                       | <b>Tổng doanh thu</b>                 | <b>6.087</b> | <b>6.047</b> | <b>10.757</b> | <b>4.675</b>    |
| 1                                                              | Doanh thu bán hàng và cung cấp DV     | 6.081        | 6.043        | 10.750        | 4.672           |
| 2                                                              | Doanh thu tài chính                   | 6            | 4            | 7             | 3               |
| 3                                                              | Doanh thu khác                        | -            | -            | -             | -               |
| <b>II</b>                                                      | <b>Tổng chi phí</b>                   | <b>6.041</b> | <b>5.990</b> | <b>10.312</b> | <b>4.631</b>    |
| 1                                                              | Giá vốn hàng bán                      | 5.204        | 5.286        | 9.335         | 3.934           |
| 2                                                              | Chi phí bán hàng                      | 5            | -            | 10            | 39              |
| 3                                                              | Chi phí QLDN                          | 797          | 704          | 956           | 658             |
| 4                                                              | Chi phí tài chính                     | 35           | -            | 11            | -               |
| 5                                                              | Chi phí khác                          | -            | -            | -             | -               |
| <b>III</b>                                                     | <b>Lợi nhuận trước thuế</b>           | <b>46</b>    | <b>57</b>    | <b>444</b>    | <b>45</b>       |
| <b>IV</b>                                                      | <b>Lợi nhuận sau thuế</b>             | <b>46</b>    | <b>57</b>    | <b>393</b>    | <b>31</b>       |
| <b>V</b>                                                       | <b>Thuế TNDN</b>                      | <b>-</b>     | <b>-</b>     | <b>51</b>     | <b>14</b>       |
| <b>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:</b>                         |                                       |              |              |               |                 |
| <b>I</b>                                                       | <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b> |              |              |               |                 |
| 1                                                              | Vòng quay các khoản phải thu (vòng)   | 6,22         | 3,11         | 4,39          | 2,38            |
| 2                                                              | Vòng quay các khoản phải trả (vòng)   | 4,50         | 3,19         | 3,78          | 2,26            |
| 3                                                              | Vòng quay hàng tồn kho (vòng)         | 12,90        | 25,35        | 36,32         | 9,36            |

**CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ**

| STT        | Chỉ tiêu                                  | Năm<br>2014 | Năm<br>2015 | Năm<br>2016 | 9 tháng<br>2017 |
|------------|-------------------------------------------|-------------|-------------|-------------|-----------------|
| 4          | Vòng quay tổng tài sản (vòng)             | 1,96        | 1,71        | 2,42        | 1,12            |
| 5          | Vòng quay vốn lưu động (vòng)             | 2,49        | 1,94        | 2,61        | 1,20            |
| <b>II</b>  | <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh khoản</b>   |             |             |             |                 |
| 1          | Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)           | 1,95        | 1,81        | 1,59        | 2,84            |
| 2          | Hệ số thanh toán nhanh (lần)              | 1,75        | 1,74        | 1,47        | 2,37            |
| <b>III</b> | <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán nợ</b> |             |             |             |                 |
| 1          | Hệ số đòn bẩy tài chính (lần)             | 2,04        | 1,95        | 2,45        | 1,48            |
| 2          | Khả năng thanh toán lãi vay (lần)         | 2,31        | 713,5       | 41,36       | NA              |
| <b>IV</b>  | <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>      |             |             |             |                 |
| 1          | Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)    | 0,76        | 0,94        | 3,66        | 0,68            |
| 2          | Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA) (%)   | 1,48        | 1,61        | 8,85        | 0,08            |
| 3          | Tỷ suất sinh lời trên VCSH (ROE) (%)      | 2,72        | 3,27        | 19,94       | 1,51            |
| <b>V</b>   | <b>Chỉ tiêu về cơ cấu TS/Nguồn vốn</b>    |             |             |             |                 |
| 1          | Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn (%)          | 50,86       | 50,21       | 59,21       | 32,47           |
| 2          | Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu (%)          | 103,55      | 100,90      | 145,13      | 48,08           |
| 3          | Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn (%)        | 49,11       | 49,76       | 40,79       | 67,53           |
| 4          | Nợ ngắn hạn / Nợ phải trả (%)             | 85,94       | 100         | 100         | 100             |
| 5          | Nợ dài hạn /Nợ phải trả (%)               | 14,06       | -           | -           | -               |
| <b>VI</b>  | <b>Tốc độ tăng trưởng</b>                 |             |             |             |                 |
| 1          | Tăng trưởng Tổng tài sản (%)              | 29,24       | 1,97        | 49,00       | -42,71          |
| 2          | Tăng trưởng doanh thu (%)                 | 3,37        | -0,62       | 77,89       | -46,54          |

Tình hình tài chính của Công ty tương đối lành mạnh và ổn định. Cơ cấu vốn của Công ty cân đối. Tỷ suất sinh lời ngoại trừ năm 2016 đạt đột biến, thì các năm còn lại giữ ở mức thấp. Đây là tình trạng chung của các doanh nghiệp in nhỏ lẻ, ít lợi thế cạnh tranh.

**4. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

Xét về quy mô vốn và năng suất lao động đối với sản phẩm, mức độ đầu tư vào công nghệ, đầu tư cho hệ thống quản lý, trình độ quản lý sản xuất, chính sách đào tạo và tay nghề công nhân Công ty có quy mô vốn còn khiêm tốn so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.

**5. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và các vấn đề cần tiếp tục xử lý**

**5.1. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp**

Ngày 21/08/2017, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước đã có Quyết định số 292/QĐ-ĐTKDV về việc cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên In và Phát hành biểu mẫu Thống kê. Theo đó, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 0 giờ 0 phút ngày 01/10/2017.

## CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ

### 5.2. Phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp

Theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP, tổ chức tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp được lựa chọn các phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp thích hợp theo quy định của pháp luật giá và thẩm định giá để xác định giá trị doanh nghiệp, đảm bảo doanh nghiệp cổ phần hóa phải được áp dụng tối thiểu 02 phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp khác nhau. Theo đó, đơn vị tư vấn đã áp dụng phương pháp tài sản và phương pháp chiết khấu dòng tiền để thực hiện xác định GTDN của Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê như sau:

Phương pháp tài sản: Là phương pháp định giá do đơn vị tư vấn thực hiện theo hướng dẫn tại Mục 2 - Chương 3 - Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ và Thông tư 41/2018/TT-BTC ngày 04 tháng 05 năm 2018 của Bộ Tài chính. Theo đó:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp cổ phần hóa là giá trị của toàn bộ tài sản của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp sau khi đánh giá lại có tính đến khả năng sinh lời của doanh nghiệp;
- Giá trị thực tế của doanh nghiệp cổ phần hóa không bao gồm các khoản không tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa do người có thẩm quyền quyết định giá trị doanh nghiệp xem xét quyết định theo quy định tại Điều 28 Nghị định 126/2017/NĐ-CP.

Phương pháp chiết khấu dòng tiền: Phương pháp chiết khấu dòng tiền được đơn vị tư vấn định giá xây dựng dựa theo số liệu kế hoạch kinh doanh 03 năm 2018-2020 do Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu thống kê cung cấp.

### 5.3. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

- Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 15/08/2018 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu thống kê để cổ phần hóa;

#### 5.3.1. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 01/10/2017 của Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu thống kê để cổ phần hóa như sau:

- Tổng giá trị thực tế của Công ty TNHH một thành viên In và Phát hành biểu mẫu thống kê tại thời điểm 01/10/2017 để cổ phần hóa là: 5.727.774.286 đồng (Năm tỷ, bảy trăm hai mươi bảy triệu, bảy trăm bảy mươi bốn ngàn, hai trăm tám mươi sáu đồng).
- Trong đó: Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp tại thời điểm 01/10/2017 là: 4.740.001.540 đồng (Bốn tỷ, bảy trăm bốn mươi triệu, không trăm linh một ngàn, năm trăm bốn mươi đồng).

- ✚ **Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê**

*Đơn vị tính: đồng*

| STT | CHỈ TIÊU          | SỐ LIỆU SỐ SÁCH KẾ TOÁN SAU KHI XỬ LÝ TÀI CHÍNH | SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI | CHÊNH LỆCH      |
|-----|-------------------|-------------------------------------------------|----------------------|-----------------|
|     | 1                 | 3                                               | 4                    | 5=4-3           |
| A   | TÀI SẢN ĐANG DÙNG | 3.042.728.865                                   | 5.727.774.286        | + 2.685.045.421 |

**CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ**

| STT        | CHỈ TIÊU                                               | SỐ LIỆU SỐ SÁCH KẾ TOÁN SAU KHI XỬ LÝ TÀI CHÍNH | SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI | CHÊNH LỆCH |                      |
|------------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------|------------|----------------------|
|            | 1                                                      | 3                                               | 4                    | 5=4-3      |                      |
| <b>I</b>   | <b>Tài sản dài hạn</b>                                 | <b>242.189.806</b>                              | <b>2.927.234.951</b> | <b>+</b>   | <b>2.685.045.421</b> |
| <b>1</b>   | <b>Tài sản cố định</b>                                 | <b>174.786.579</b>                              | <b>2.826.609.724</b> | <b>+</b>   | <b>2.651.823.145</b> |
| 1.1        | Tài sản cố định hữu hình                               | 174.786.579                                     | 2.826.609.724        | +          | 2.651.823.145        |
| -          | <i>Nguyên giá</i>                                      | 2.356.785.145                                   | 4.975.086.105        | +          | 2.618.300.960        |
| -          | <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                          | (2.181.998.566)                                 | (2.148.476.381)      | +          | 33.522.185           |
| <b>2</b>   | <b>Bất động sản đầu tư</b>                             | -                                               | -                    |            |                      |
| <b>3</b>   | <b>Tài sản dở dang dài hạn</b>                         | -                                               | -                    |            |                      |
| <b>4</b>   | <b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>              | -                                               | -                    |            | -                    |
| <b>5</b>   | <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>                      | -                                               | -                    |            | -                    |
| <b>6</b>   | <b>Tài sản dài hạn khác</b>                            | <b>67.403.227</b>                               | <b>100.625.227</b>   | <b>+</b>   | <b>33.222.000</b>    |
| -          | <i>Chi phí trả trước dài hạn</i>                       | 67.403.227                                      | 100.625.227          | +          | 33.222.000           |
| <b>II</b>  | <b>Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn</b>             | <b>2.800.539.059</b>                            | <b>2.800.539.335</b> | <b>+</b>   | <b>276</b>           |
| <b>1</b>   | <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>              | <b>1.121.811.524</b>                            | <b>1.121.811.800</b> | <b>+</b>   | <b>276</b>           |
| 1.1        | Tiền mặt tồn quỹ                                       | 182.945.724                                     | 182.946.000          | +          | 276                  |
| 1.2        | Tiền gửi ngân hàng                                     | 938.865.800                                     | 938.865.800          |            | -                    |
| <b>2</b>   | <b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>             | -                                               | -                    |            | -                    |
| <b>3</b>   | <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>                     | <b>1.222.222.425</b>                            | <b>1.222.222.425</b> |            | -                    |
| -          | <i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>                | 1.072.217.425                                   | 1.072.217.425        |            | -                    |
| -          | <i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>                | 150.005.000                                     | 150.005.000          |            | -                    |
| -          | <i>Phải thu ngắn hạn khác</i>                          | -                                               | -                    |            |                      |
| <b>4</b>   | <b>Hàng tồn kho</b>                                    | <b>456.338.540</b>                              | <b>456.338.540</b>   |            | -                    |
| <b>5</b>   | <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>                           | <b>166.570</b>                                  | <b>166.570</b>       |            | -                    |
| <b>III</b> | <b>Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp</b>     | -                                               | -                    |            | -                    |
| <b>IV</b>  | <b>Giá trị QSDĐ</b>                                    | -                                               | -                    |            | -                    |
| <b>B</b>   | <b>TS KHÔNG CẦN DÙNG (Chỉ ghi lại giá trị còn lại)</b> | -                                               | -                    |            | -                    |

**CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ**

| STT | CHỈ TIÊU                                                                                | SỐ LIỆU SỐ SÁCH KẾ TOÁN SAU KHI XỬ LÝ TÀI CHÍNH | SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI | CHÊNH LỆCH      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------|-----------------|
|     | 1                                                                                       | 3                                               | 4                    | 5=4-3           |
|     | theo sổ sách kế toán)                                                                   |                                                 |                      |                 |
| C   | TSCĐ CHỜ THANH LÝ                                                                       | -                                               | -                    | -               |
| D   | TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI (không sử dụng cho sản xuất kinh doanh) | -                                               | -                    | -               |
| E   | TÀI SẢN CHỜ XỬ LÝ                                                                       | -                                               | -                    | -               |
|     | TỔNG GIÁ TRỊ TS CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D + E)                                    | 3.042.728.865                                   | 5.727.774.286        | + 2.685.045.421 |
|     | Trong đó:                                                                               |                                                 |                      |                 |
|     | TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DN (Mục A)                                                     | 3.042.728.865                                   | 5.727.774.286        | + 2.685.045.421 |
| F1. | NỢ PHẢI TRẢ                                                                             | 987.772.746                                     | 987.772.746          | -               |
|     | Trong đó giá trị QSDĐ mới nhận giao phải nộp ngân sách nhà nước                         | -                                               | -                    | -               |
| F2. | NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP                                                                | -                                               | -                    | -               |
|     | TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẢN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DN[A - (F1+F2)]                              | 2.054.956.119                                   | 4.740.001.540        | + 2.685.045.421 |

*Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp và Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp số 68/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 15/8/2018 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước*

**5.3.2. Tài sản không đưa vào cổ phần hóa, Tài sản không cần dùng chờ thanh lý (tính theo giá trị ghi trên sổ sách kế toán)**

- Tài sản cố định không cần dùng chờ bàn giao: Không có
- Tài sản cố định chờ thanh lý: Không có.

**5.4. Các vấn đề cần tiếp tục xử lý**

- Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, Báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm 0h ngày 01/10/2017 đã được xử lý tài chính và lập lại theo quy định.
- Giá trị thương hiệu để tính Lợi thế thương mại của Công ty được xác định theo số liệu Báo cáo tài chính 05 năm liền kề 2012; 2013; 2014, 2015 và 2016 do Công ty cung cấp. Công ty chịu trách nhiệm về tính trung thực của số liệu đã cung cấp.

- Công ty đã gửi văn bản đề nghị Cục thuế thành phố Hà Nội thực hiện quyết toán thuế tại Công ty để cổ phần hóa. Tuy nhiên, đến nay Cục thuế vẫn chưa có phản hồi chính thức bằng văn bản. Trong thời gian tới, Công ty sẽ vẫn tiếp tục phối hợp với Cục thuế để hoàn tất thủ tục quyết toán nghĩa vụ với nhà nước theo quy định.

## **PHẦN II**

### **NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**

#### **1. Hình thức cổ phần hóa**

Căn cứ quy định tại Điều 5, Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty cổ phần;

Căn cứ vào tình hình thực tế và định hướng phát triển kinh doanh của doanh nghiệp trong 3 năm sau cổ phần hóa, Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê sẽ thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức bán toàn bộ vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp.

#### **2. Mục tiêu cổ phần hóa**

Thực hiện mục tiêu của Chính phủ được ghi rõ trong Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty cổ phần, mục tiêu cổ phần hóa của Công ty gồm:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn nhà nước thành hình thức đa sở hữu. Tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hiện nay và trong tương lai;
- Huy động vốn nhân rồi của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, của cá nhân, của các tổ chức kinh tế trong nước để đầu tư phát triển, mở rộng phạm vi hoạt động trong nhiều lĩnh vực nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận và phát triển ổn định trong tương lai;
- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

#### **3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa**

- Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo sâu sát, tận tình của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước, các cơ quan ban ngành địa phương nên đây cũng là điều kiện thuận lợi cho Công ty trong việc tổ chức thực hiện thành công quá trình cổ phần hóa;
- Cơ cấu tổ chức của Công ty được sắp xếp tinh gọn, phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh hiện tại, thuận lợi cho công tác quản lý và tổ chức trong giai đoạn đầu hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần;
- Ban Giám đốc Công ty đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để quá

## CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ

trình cổ phần hoá diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về cổ phần hoá cho cán bộ công nhân viên được thực hiện chu đáo;

- Toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty từ Ban lãnh đạo đến nhân viên đều thể hiện quyết tâm cao trong việc cổ phần hoá Công ty, sẵn sàng tham gia góp vốn cổ phần.

### 4. Thông tin về Công ty cổ phần

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ**  
Tên giao dịch quốc tế: **PRINT AND STATISTICAL FORM PUBLISMENT JOINT STOCK COMPANY**  
Tên viết tắt: **PSFP .,JSC**  
Trụ sở chính: **Số 47-55, ngõ 54 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**  
Điện thoại: **(024) 3775 1597** Fax: **(024) 3775 9401**  
Mã số thuế: **0100111659**

### 5. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

Để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh sau quá trình cổ phần hóa và nhu cầu thực tế dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần In và Phát hành biểu mẫu Thống kê được xác định như sau:

| <u>Chỉ tiêu</u>             | <u>Giá trị</u>     |
|-----------------------------|--------------------|
| Vốn điều lệ Công ty cổ phần | 2.054.950.000 đồng |
| Mệnh giá một cổ phần        | 10.000 đồng/cphần  |
| Số lượng cổ phần            | 205.495 cổ phần    |

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 15/8/2018 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc cổ phần hóa Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên In và Phát hành biểu mẫu Thống kê, trong đó Nhà nước không nắm giữ cổ phần đối với Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê.

**Xác định cơ cấu vốn điều lệ như sau:**

| STT | Cổ đông                                                                    | Số cổ phần<br>(cổ phần) | Giá trị cổ phần<br>theo mệnh giá<br>(đồng) | Tỷ lệ<br>(%) |
|-----|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------------------|--------------|
| 1   | Nhà nước                                                                   | 0                       | 0                                          | 0%           |
| 2   | Bán cho CBCNV                                                              | 61.100                  | 611.000.000                                | 29,74%       |
| a   | <i>Bán ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại Khu vực Nhà nước</i>     | 24.300                  | 243.000.000                                | 11,83%       |
| b   | <i>Bán ưu đãi thêm theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty Cổ phần</i> | 36.800                  | 368.000.000                                | 17,91%       |
| 3   | Bán cho Tổ chức Công đoàn                                                  | 6.164                   | 61.640.000                                 | 3,00%        |
| 4   | Cổ phần bán đấu giá công khai                                              | 138.231                 | 1.382.310.000                              | 67,26%       |
| @   | <b>Tổng cộng</b>                                                           | <b>205.495</b>          | <b>2.054.950.000</b>                       | <b>100%</b>  |

Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

**Xử lý số lượng cổ phần không bán hết:**

Số cổ phần không bán hết (nếu có) sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 37 Nghị định số

126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 như sau:

- Trường hợp không có nhà đầu tư nào đăng ký mua cổ phần, Ban chỉ đạo thực hiện bán cổ phần cho người lao động và tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa đã duyệt, đồng thời thực hiện các thủ tục để chuyển doanh nghiệp sang công ty cổ phần. Số lượng cổ phần chưa bán được sẽ được điều chỉnh lại vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ và thực hiện thoái vốn sau khi doanh nghiệp đã hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.
- Trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần, Ban Chỉ đạo thực hiện thỏa thuận bán cổ phần cho nhà đầu tư đã đăng ký mua cổ phần với giá bán không thấp hơn giá khởi điểm với khối lượng đã đăng ký mua hợp lệ. Nếu nhà đầu tư không mua, doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 37.
- Trường hợp sau khi bán đấu giá công khai tất cả các nhà đầu tư trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai đều từ chối mua, doanh nghiệp cổ phần hóa được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 37.
- Trường hợp đã bán được một phần số cổ phần chào bán trong cuộc đấu giá công khai, số lượng cổ phần còn lại chưa bán được trong cuộc đấu giá công khai (bao gồm cả số lượng cổ phần các nhà đầu tư đã trúng giá nhưng từ chối mua) được thực hiện theo trình tự sau:
  - Ban chỉ đạo tiếp tục thông báo đến các nhà đầu tư đã tham gia đấu giá hợp lệ (không bao gồm các nhà đầu tư đã trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai) để bán thỏa thuận cho các nhà đầu tư này theo đúng khối lượng đã đăng ký và mức giá đã đặt mua tại phiên đấu giá theo nguyên tắc lựa chọn giá thỏa thuận từ mức giá đã trả cao nhất xuống mức thấp nhất của cuộc đấu giá đã công bố trở xuống cho đủ số lượng cổ phần còn phải bán.
  - Nếu không bán hết cổ phần cho các nhà đầu tư sau khi đã thỏa thuận, Ban chỉ đạo tiếp tục thông báo đến các nhà đầu tư đã trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai (không bao gồm các nhà đầu tư đã trúng đấu giá nhưng từ chối mua) để thỏa thuận bán cho các nhà đầu tư này với giá bán là mức giá đã đặt mua tại phiên đấu giá của từng nhà đầu tư theo nguyên tắc lựa chọn giá thỏa thuận từ mức giá đã trả cao nhất xuống mức thấp của cuộc đấu giá đã công bố trở xuống cho đủ số lượng cổ phần còn phải bán.
  - Trường hợp số lượng cổ phiếu không bán hết theo quy định tại điểm a và b khoản 4, Điều 37, doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 37.

## **6. Phương thức chào bán cổ phần**

### **6.1. Bán cổ phần cho người lao động**

#### **6.1.1. Quy mô chào bán**

Số lượng cổ phần chào bán ưu đãi cho người lao động theo danh sách thường xuyên tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 24.300 cổ phần, tổng giá trị mệnh giá 243.000.000 đồng tương ứng 11,83% vốn điều lệ của Công ty cổ phần In và Phát hành biểu mẫu Thống kê.

#### **6.1.2. Mục tiêu chào bán**

Mục tiêu của việc chào bán cổ phần cho người lao động được thực hiện theo chính sách của Nhà nước nhằm gắn kết người lao động với Công ty, đồng thời nhìn nhận những đóng góp của người lao động với giá trị của Công ty và tạo động lực cho người lao động gắn bó trong tương lai với Công ty.

#### **6.1.3. Cổ phần cán bộ công nhân viên mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước**

## CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 42 Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý doanh nghiệp của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá trị 01 cổ phần tính theo mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần). Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày hết hạn nộp tiền của nhà đầu tư tham gia cuộc bán đấu giá công khai, Ban chỉ đạo cổ phần hóa chỉ đạo doanh nghiệp hoàn tất việc tổ chức bán cổ phần cho người lao động theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP và phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt. Theo đó:

- Tổng số lao động có tên trong danh sách lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê là 22 người.
- Tổng số lao động được mua cổ phần ưu đãi theo thâm niên công tác: 22 người.
- Tổng số cổ phần ưu đãi của 22 Cán bộ công nhân viên đã đăng ký mua theo số năm làm việc trong khu vực nhà nước: 24.300 cổ phần, chiếm 11,83% vốn điều lệ.
- Giá bán bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm được xác định: 60% giá trị 01 cổ phần tính theo mệnh giá. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày hết hạn nộp tiền của nhà đầu tư tham gia cuộc bán đấu giá công khai, Ban chỉ đạo cổ phần hóa chỉ đạo doanh nghiệp hoàn tất việc tổ chức bán cổ phần cho người lao động theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP và phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt.
- Thời gian thực hiện: Việc triển khai bán cổ phần cho người lao động sẽ thực hiện sau khi bán đấu giá công khai.

*(Danh sách người lao động mua cổ phần giá ưu đãi theo số năm làm việc trong khu vực nhà nước được đính kèm cùng phương án này)*

### **6.1.4. Cổ phần cán bộ công nhân viên mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần**

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định 126/2017/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 16 tháng 11 năm 2017 về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần thì người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng Công ty cổ phần In và Phát hành biểu mẫu Thống kê cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày Công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp tại Công ty cổ phần nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.

Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao tại doanh nghiệp được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động (Số lao động thuộc đối tượng chuyên gia giỏi của Công ty là 0 lao động).

Công ty đã tổ chức Hội nghị công nhân viên chức để phổ biến đến người lao động chính sách ưu đãi cho người lao động trong phương án cổ phần hóa và tổ chức đăng ký mua thêm với kết quả như sau:

- Tổng số lao động có tên trong danh sách lao động đăng ký mua thêm theo theo số năm

cam kết làm việc tại Công ty cổ phần là 19 CBCNV.

- Tổng số cổ phần đăng ký mua thêm là 36.800 cổ phần, tương ứng tổng giá trị mệnh giá là 368.000.000 đồng chiếm 17,91% vốn điều lệ công ty cổ phần.
- Giá bán cổ phần cho người lao động mua thêm được xác định: giá khởi điểm. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày hết hạn nộp tiền của nhà đầu tư tham gia cuộc bán đấu giá công khai, Ban chỉ đạo cổ phần hóa chỉ đạo doanh nghiệp hoàn tất việc tổ chức bán cổ phần cho người lao động theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP và phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt.
- Thời gian thực hiện: Việc triển khai bán cổ phần cho người lao động sẽ thực hiện sau khi bán đấu giá công khai.

*(Danh sách người lao động mua thêm cổ phần theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty Cổ phần được đính kèm cùng phương án này).*

### **6.2. Bán cổ phần cho tổ chức Công đoàn**

Căn cứ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 33, Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định Cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa. Theo đó:

- Tổng số cổ phần tổ chức công đoàn được mua cổ phần ưu đãi là 6.164 cổ phần, tương ứng tổng giá trị mệnh giá là 61.640.000 đồng chiếm 3% vốn điều lệ công ty cổ phần.
- Giá bán cổ phần cho tổ chức công đoàn: bằng mệnh giá. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày hết hạn nộp tiền của nhà đầu tư tham gia cuộc bán đấu giá công khai, Ban chỉ đạo cổ phần hóa chỉ đạo doanh nghiệp hoàn tất việc tổ chức bán cổ phần cho tổ chức công đoàn theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP và phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt.
- Thời gian thực hiện: Việc triển khai bán cổ phần cho tổ chức công đoàn sẽ thực hiện sau khi bán đấu giá công khai.

### **6.3. Bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược**

Công ty không thuộc đối tượng quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 6, Nghị định 126/2017/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 16/11/2017. Vì vậy, Công ty không có nhà đầu tư chiến lược.

### **6.4. Bán cổ phần lần đầu ra công chúng trong nước (IPO)**

#### **6.4.1. Khối lượng chào bán**

Số cổ phần thực hiện bán đấu giá cho các nhà đầu tư khác dự kiến 138.231 cổ phần. Tổng giá trị mệnh giá 1.382.310.000 đồng, tương đương 67,26% vốn điều lệ. Các giới hạn về tỷ lệ đăng ký mua của nhà đầu tư tổ chức và cá nhân sẽ được quy định cụ thể theo quy định pháp luật có hiệu lực tại thời điểm đấu giá và được công bố thông tin theo đúng quy định.

Tỷ lệ cổ phần chào bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài (dự kiến): 100.692 cổ phần (tương đương 49% vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa). Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

#### **6.4.2. Mức giá khởi điểm dự kiến bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng**

**Xác định giá khởi điểm:** Căn cứ Điều 24, Nghị định 126/2017/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 16/11/2017, giá khởi điểm sẽ do cơ quan đại diện chủ sở hữu xác định. Giá khởi điểm được xác định tại thời điểm chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng được xác định

## CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ

trên cơ sở:

- Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp được phê duyệt tại Quyết định số 68/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 15/8/2018 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu thống kê. Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp tại thời điểm 01/10/2017 là: 4.740.001.540 đồng;
- Vốn điều lệ dự kiến của Công ty cổ phần là: 2.054.950.000 đồng tương đương với số lượng cổ phần là 205.495 cổ phần có mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
- Theo quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Căn cứ các yếu tố trình bày ở trên, giá khởi điểm chào bán đầu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê được đề xuất là **27.200** đồng/cổ phần.

### 6.4.3. Phương thức chào bán

Cổ phần phát hành lần đầu ra công chúng trong nước thông qua phương thức bán đấu giá công khai tại tổ chức trung gian là Công ty cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội.

Chi tiết các nội dung có liên quan đến việc thực hiện đấu giá cổ phần sẽ được thực hiện tại Quy chế đấu giá do tổ chức thực hiện bán đấu giá (CTCP Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội) ban hành.

### 6.4.4. Đối tượng chào bán

Đối tượng chào bán sẽ là các nhà đầu tư trong nước bao gồm các tổ chức, cá nhân (kể cả người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa) theo quy định của pháp luật.

Hạn chế đối với nhà đầu tư nước ngoài: Theo quy định hiện hành.

## 7. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ việc bán cổ phần

### 7.1. Chi phí cổ phần hóa

Căn cứ quy định tại Điều 8 Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017, tổng dự toán chi phí cổ phần hóa Công ty dự kiến: 200.000.000 (Bằng chữ: hai trăm triệu) đồng.

Tổng mức chi phí cổ phần hóa dự kiến gồm khoản mục chính sau:

| STT       | Nội dung                                                                | Số tiền            |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>I</b>  | <b>Các khoản chi trực tiếp tại doanh nghiệp</b>                         | -                  |
| 1         | Chi phí cho việc tập huấn nghiệp vụ về cổ phần hoá doanh nghiệp         | -                  |
| 2         | Chi phí kiểm kê, xác định giá trị tài sản                               | -                  |
| 3         | Chi phí lập phương án cổ phần hoá, xây dựng Điều lệ                     | -                  |
| 4         | Đại hội công nhân viên chức (CNVC) để triển khai cổ phần hóa            | -                  |
| 5         | Hội nghị CNVC bất thường để lấy ý kiến hoàn thiện phương án cổ phần hóa | -                  |
| 6         | Chi phí hoạt động tuyên truyền, CBTT về doanh nghiệp                    | -                  |
| 7         | Chi phí tổ chức phục vụ bán cổ phần (đăng báo)                          | -                  |
| 8         | Chi phí tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần đầu                        | -                  |
| 9         | Chi phí khác                                                            | -                  |
| <b>II</b> | <b>Chi phí thuê tổ chức tư vấn, kiểm toán</b>                           | <b>170.000.000</b> |
| 1         | Chi phí tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, tư vấn lập phương án,     | 150.000.000        |

## CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ

|            |                                                                |                    |
|------------|----------------------------------------------------------------|--------------------|
|            | tổ chức bán cổ phần và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập. |                    |
| 2          | Chi phí thuê kiểm toán                                         | 20.000.000         |
| <b>III</b> | <b>Thù lao Ban chỉ đạo cổ phần hóa và Tổ giúp việc (*)</b>     | <b>20.000.000</b>  |
| <b>IV</b>  | <b>Chi phí dự phòng</b>                                        | <b>10.000.000</b>  |
| <b>V</b>   | <b>Tổng cộng</b>                                               | <b>200.000.000</b> |

(\*) Thù lao Ban chỉ đạo cổ phần hóa và tổ giúp việc sẽ được thanh toán trên nguyên tắc: Ưu tiên thanh toán các chi phí cổ phần hóa, phần còn lại sẽ để trả thù lao cho Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc theo chi phí tối thiểu được xác định theo giá trị doanh nghiệp trên sổ kế toán tại Báo cáo tài chính năm 2017 được kiểm toán.

Căn cứ quy định tại Điều 8, Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017, các văn bản hướng dẫn thi hành và thực tế phát sinh tại đơn vị, Công ty sẽ có văn bản trình Ban chỉ đạo, báo cáo Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước xem xét, phê duyệt. Chi phí cổ phần hóa của Công ty TNHH In và Phát hành biểu mẫu Thống kê sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa.

### 7.2. Quản lý và sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

Theo quy định tại Khoản 1a Điều 39 Nghị định 126/2017/NĐ-CP thì Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê là trường hợp bán toàn bộ vốn nhà nước tại doanh nghiệp, số tiền thu được từ cổ phần hóa sẽ được xử lý như sau:

Để thuận tiện cho công tác tính toán, Công ty giả định bán thành công cho nhà đầu tư đại chúng bằng giá chào bán ở mức tối thiểu 27.200 đồng/cổ phần, là mức giá đầu giá tối thiểu dự kiến. Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của Nhà nước tại Công ty cổ phần. Công ty dự kiến kế hoạch thu tiền từ cổ phần hóa và nộp vào Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước, chi tiết như sau:

| STT | Khoản mục                                                                                               | Giá trị       |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| A   | Vốn điều lệ của công ty cổ phần                                                                         | 2.054.950.000 |
| B   | Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán tại thời điểm 01/10/2017 (làm tròn theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) | 2.054.950.000 |
| C   | Phần dư do làm tròn Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán tại thời điểm 01/10/2017 sau khi xử lý tài chính  | 6.119         |
| D   | Giá trị mệnh giá cổ phần nhà nước tiếp tục nắm giữ                                                      | -             |
| E   | Tiền thu từ cổ phần hóa (Dự kiến)                                                                       | 4.968.283.200 |
| -   | Thu từ bán cổ phần cho CBCNV                                                                            | 1.146.760.000 |
| -   | Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước                                           | 145.800.000   |
| -   | Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần                                           | 1.000.960.000 |
| -   | Thu từ bán cổ phần cho Công đoàn                                                                        | 61.640.000    |
| -   | Thu từ bán đầu giá ra bên ngoài                                                                         | 3.759.883.200 |
| F   | Giá trị mệnh giá cổ phần bán cho người lao động và bán đầu giá công khai                                | 2.054.950.000 |
| G   | Hoàn trả doanh nghiệp cấp I phần giá trị sổ sách của số cổ phần                                         | 2.054.956.119 |

**CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ**

| STT | Khoản mục                                                                                                            | Giá trị              |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
|     | tương ứng với vốn đầu tư của doanh nghiệp cấp I bán ra ( $G = B + C - D$ )                                           |                      |
| H   | Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm để lại doanh nghiệp cấp II ( $H = A - B$ )                                   | -                    |
| I   | Chi phí cổ phần hóa của doanh nghiệp                                                                                 | 200.000.000          |
| J   | Chi phí thực hiện chính sách với người lao động dôi dư, nghỉ hưu theo chế độ.                                        | 111.762.000          |
| K   | Phân thẳng dư vốn để loại doanh nghiệp cấp II tương ứng với tỷ lệ cổ phần phát hành thêm/vốn điều lệ                 | -                    |
| @   | <b>Tổng số tiền hoàn trả Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp <math>[ = E - (G + H + I + J + K)]</math></b> | <b>2.601.565.081</b> |

Công ty sẽ nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo Quy định tại Điều 21 Nghị định 126/2017/NĐ-CP với tổng số tiền dự kiến thu được tối thiểu là 2.601.565.081 đồng. Theo quy định tại khoản 5, khoản 6 và khoản 7, Điều 13, Thông tư 40/2018/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 04/5/2018, Doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm tất toán số tiền phải hoàn trả Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp sau khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

### **PHẦN III**

#### **PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA**

##### **1. Phương án tổ chức Công ty**

Sau cổ phần hóa Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê sẽ hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Cơ cấu tổ chức của Công ty dự kiến như sau:

##### **1.1. Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông ủy quyền.

##### **1.2. Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty. Hội đồng quản trị của Công ty dự kiến gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và có thể được bầu lại với số lần không hạn chế. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc được Đại hội đồng Cổ đông bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ, khi đó nhiệm kỳ của thành viên mới là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

##### **1.3. Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra, giám sát toàn diện mọi hoạt động của Công ty theo quy định tại Điều 123 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ. Ban kiểm soát của Công ty dự kiến có 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm; các thành viên ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

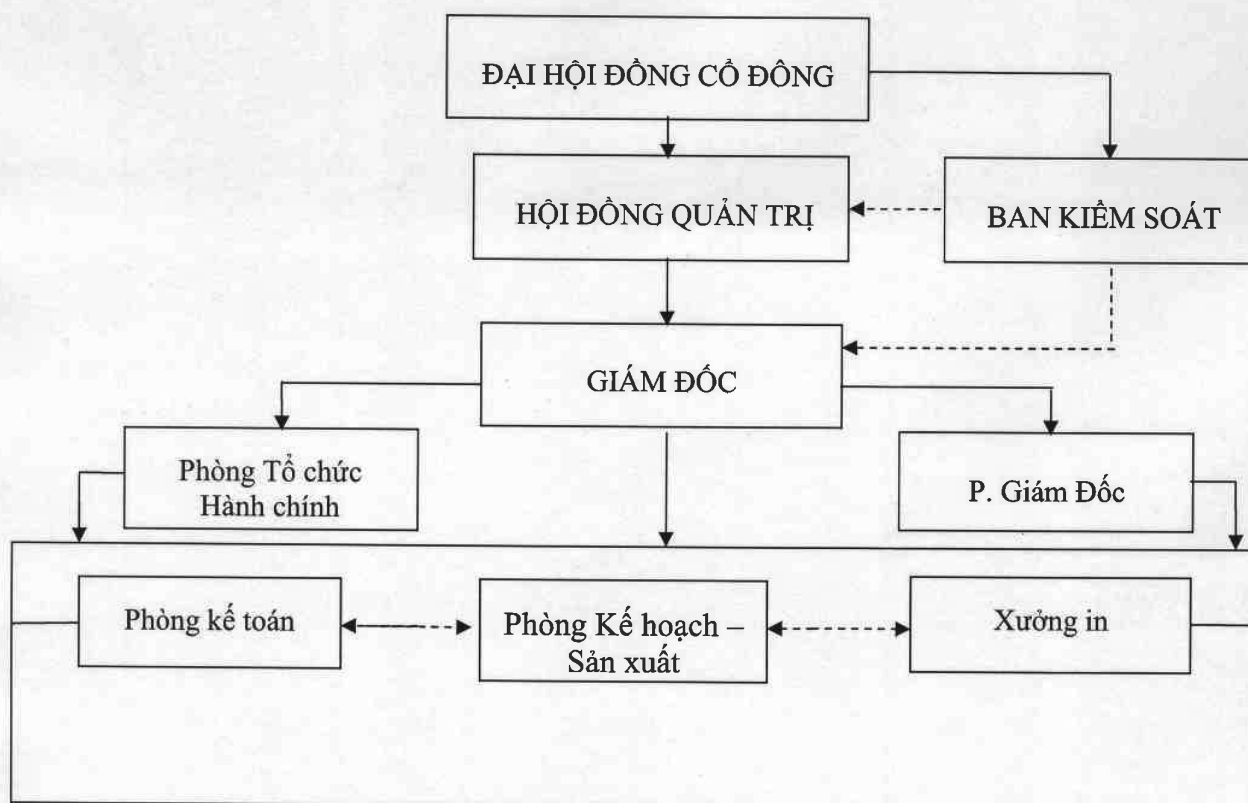
##### **1.4. Ban Giám đốc**

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty. Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng thuê.

Giúp việc cho Giám đốc là Phó giám đốc. Công ty có 01 Phó giám đốc.

Với phương án tổ chức như trên, sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty sau cổ phần hóa dự kiến như sau:

## CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ



Ghi chú:

Quan hệ điều hành: →

Quan hệ phối hợp: ↔

Quan hệ giám sát: →

### 2. Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau cổ phần hóa

Ngành nghề kinh doanh dự kiến của Công ty sau cổ phần hóa như sau:

| Stt | Tên ngành                                                                                                                                           | Mã ngành     |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 1   | In chứng từ, biểu mẫu thống kê, kế toán, hóa đơn tài chính, xuất bản phẩm và giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;                                        | 1811 (Chính) |
| 2   | Phát hành sách, chứng từ ghi chép ban đầu, phiếu điều tra thống kê, biểu mẫu báo cáo và các loại giấy tờ sổ sách dùng trong quản lý kinh tế xã hội; | 1812         |
| 3   | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh giấy các loại, văn phòng phẩm;                       | 4761         |

## CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ

|   |                                                 |      |
|---|-------------------------------------------------|------|
| 4 | Kinh doanh văn hóa phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ; | 4773 |
| 5 | Kinh doanh nhà nghỉ;                            | 5510 |
| 6 | Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát           | 5610 |

Ngoài ra, Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu đăng ký mở rộng ngành nghề kinh doanh khi đáp ứng yêu cầu phát triển theo từng thời điểm.

### 3. Kế hoạch phát triển Công ty sau cổ phần hóa

#### 3.1. Triển vọng phát triển

##### a. Thuận lợi

- Do nền kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng, các doanh nghiệp và dân cư đều có sự phát triển sẽ làm tăng nhu cầu in ấn bao bì và sử dụng các sản phẩm in ấn. Điều này làm cho thị trường tiêu thụ các sản phẩm in ấn của Công ty sẽ tiếp tục phát triển.

##### b. Khó khăn

- Nguồn nhân lực lao động có tay nghề cao trong ngành in rất khan hiếm. Hiện tại cả nước chỉ có 02 trường cao đẳng đào tạo kỹ thuật viên ngành in. Bản thân nguồn lao động mới ra trường chưa thể thực hiện ngay được công việc mà phải trải qua quá trình đào tạo tại Công ty. Trong khi đó, sự cạnh tranh thu hút nguồn lực lao động giữa các đơn vị in là rất lớn. Có nhiều nhân sự sau khi được đào tạo vững tay nghề đã bị các công ty in ấn có quy mô lớn hơn thu hút, lôi kéo dẫn đến làm mất nguồn chất xám của Công ty.
- Ngành in là ngành mà các thiết bị máy móc phục vụ in ấn có tốc độ thay đổi công nghệ nhanh. Các sản phẩm ra sau cho năng suất và chất lượng vượt trội với các thế hệ trước. Do vậy, một mặt Công ty phải đầu tư nâng cấp công nghệ mới, đồng thời đào tạo nguồn nhân lực bắt kịp yêu cầu của công nghệ mới. Mặt khác, phải đẩy mạnh sản xuất, thu hồi vốn đầu tư sớm để hạn chế sự lỗi thời về mặt công nghệ sẽ làm giảm tính cạnh tranh của Công ty.
- Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê là một doanh nghiệp nhỏ trong ngành in. Do vậy, việc tổ chức sản xuất, quản trị sản xuất và quản trị doanh nghiệp còn nhiều hạn chế, chưa có điều kiện tách bạch và xây dựng đội ngũ chuyên trách. Điều này sẽ ảnh hưởng tới năng lực cạnh tranh, chất lượng và năng suất lao động của Công ty. Đây là một trong những điểm yếu mà ban lãnh đạo và người lao động trong Công ty cần khắc phục trong thời gian tới.

#### 3.2. Định hướng phát triển Công ty

##### 3.2.1. Chiến lược phát triển của Công ty sau cổ phần hóa

- Công ty sẽ tiếp tục phát triển lĩnh vực kinh doanh chính là in ấn để khai thác tối đa các nguồn lực sẵn có cũng như uy tín, hình ảnh và thương hiệu đã có vị trí trên thị trường của công ty. Bên cạnh đó, Công ty sẽ nghiên cứu, đánh giá khả năng khai thác mặt bằng mà Công ty đang sử dụng để đảm bảo hiệu quả tối đa.

##### 3.2.2. Chiến lược đầu tư

- Sau khi trở thành công ty cổ phần, Công ty sẽ tìm kiếm nguồn vốn đầu tư để đồng bộ

máy móc thiết bị, bổ sung thêm nhân sự để nâng cao năng lực sản xuất. Chiến lược đầu tư của Công ty là đầu tư trên cơ sở khai thác tối đa và hiệu quả nguồn lực vốn, con người. Đầu tư thay thế các thiết bị đã quá lỗi thời, cho năng suất làm việc thấp trước, có phân kỳ đầu tư để đảm bảo huy động được vốn cũng như hiệu quả sử dụng vốn

### 3.2.3. Các giải pháp cần thực hiện

#### a. Giải pháp về hoạt động sản xuất kinh doanh

- Công ty tiếp tục các hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại mà công ty trách nhiệm hữu hạn đang thực hiện.
- Mức vốn điều lệ dự kiến không đảm bảo đủ nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Để phát triển, hoàn thành kế hoạch kinh doanh của công ty cổ phần trong thời gian tới, Công ty phải tìm kiếm thêm nhiều nguồn vốn bổ sung khác như: Vay vốn ngân hàng, huy động vốn từ cán bộ, công nhân viên và người lao động trong Công ty. Trong quá trình quản lý và sử dụng vốn, Công ty xây dựng phương án, quy chế quản lý và sử dụng vốn đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tập trung đầu tư trọng điểm vào từng hạng mục cụ thể, có tính khả thi cao, đảm bảo và nâng cao vòng quay sử dụng vốn.

#### b. Giải pháp về nâng cao năng lực về thiết bị, công nghệ, phương án sử dụng đất

- Công ty tập trung khắc phục sửa chữa những thiết bị hiện có. Nghiên cứu đầu tư công nghệ tiên tiến, tiết kiệm nhiên liệu, bảo vệ môi trường để đảm nhận được các dự án trúng thầu hoặc được giao.
- Tích cực triển khai nghiên cứu ứng dụng, đầu tư cho đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm, từng bước nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm; tiếp cận nhanh công nghệ và kỹ thuật tiên tiến, tăng cường hiệu quả kinh doanh, phát triển bền vững

#### c. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Xây dựng mô hình tổ chức sản xuất của Công ty đảm bảo gọn nhẹ, hiệu quả; tối ưu nhất để vừa tiết kiệm vừa mang lại hiệu quả kinh tế cao.
- Phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ năng lực, chuyên môn hoá cao nhằm phát huy tối đa tính chủ động sáng tạo của các bộ phận, cá nhân.
- Xây dựng và ban hành hệ thống quy chế, quy định về tổ chức quản lý và tổ chức thực hiện có hiệu quả.
- Hàng năm, Công ty có kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, tay nghề cho CBCNV, có hướng quy hoạch cán bộ lâu dài, đội ngũ kế cận và có kế hoạch tiếp nhận tuyển dụng kỹ sư, cán bộ kỹ thuật, công nhân chuyên ngành.
- Phát động phong trào thi đua thường xuyên, hàng quý, hàng tháng, các giai đoạn cần thiết, thi đua hoàn thành đúng kế hoạch.

#### d. Giải pháp về tiền lương

- Xây dựng đơn giá tiền lương trên cơ sở định mức lao động hợp lý.
- Đối với lao động trực tiếp: khoán tiền lương theo từng đơn vị sản phẩm, hạng mục với người lao động.
- Đối với lao động gián tiếp: trả lương phù hợp với năng suất làm việc cụ thể của từng người; Khoán mức lương cụ thể cho từng phòng ban theo nhiệm vụ được giao.

## CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ

- Có chế độ khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có sáng kiến cải tiến sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động: trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bảo hiểm thất nghiệp.

### e. Giải pháp về thị trường

Công tác tìm kiếm việc làm được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tổ chức sản xuất và đề ra các giải pháp cụ thể như:

- Nâng cao năng lực đấu thầu.
- Tích cực, chủ động phát huy hiệu quả mô hình hợp tác liên doanh liên kết.
- Tiếp tục củng cố và giữ các thị trường, địa bàn đã có.
- Tăng cường hợp tác bằng các hình thức liên danh liên kết với các đối tác có tiềm năng.

### f. Giải pháp về công tác chính trị, tư tưởng, đoàn thể

- Xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa đảng ủy, Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành.
- Đảng bộ Công ty thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành đưa ra các đường lối, chủ trương, các biện pháp, giải pháp cụ thể để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ Đảng viên, người lao động thực hiện đúng đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
- Các Đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên thường xuyên phối hợp với Hội đồng Quản Trị, Giám đốc điều hành đưa ra các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội Công ty đề ra; động viên tinh thần đối với người lao động thuộc tổ chức mình để họ phấn khởi yên tâm thi đua lao động sản xuất.
- Khen thưởng kịp thời về vật chất và tinh thần cho các đơn vị, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
- Có các giải pháp thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở trong công ty cổ phần.
- Quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động bằng tổ chức tham quan, nghỉ mát hàng năm ...

### g. Giải pháp tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí

Tiết kiệm chống tham nhũng, lãng phí là một trong những giải pháp quan trọng để thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh tế xã hội Công ty đã đề ra:

- Tuyên truyền, giáo dục, học tập luật phòng chống tham nhũng, lãng phí theo đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước cho cán bộ, người lao động trong toàn Công ty.
- Thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong quá trình sản xuất, tiêu dùng.
- Có chế độ khen thưởng xứng đáng cho những tập thể cá nhân có thành tích trong tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí.
- Đề ra các biện pháp chống tham nhũng, lãng phí như: Thực hiện kê khai tài sản đối với cán bộ Đảng viên theo đường lối của Đảng và Pháp luật của Nhà nước; Giám sát việc kê khai tài sản của các đối tượng kê khai; đưa ra các quy chế quản lý tài chính, vật tư thiết bị, thanh toán tiền lương vv... và giám sát việc thực hiện các quy chế.

### 3.3. Kế hoạch kinh doanh của Công ty 3 năm sau cổ phần hóa

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Phương án sản xuất kinh doanh |
|-----|----------|-----|-------------------------------|
|-----|----------|-----|-------------------------------|

## CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ

|   |                                       |                        | 2019F  | 2020F | 2021F  |
|---|---------------------------------------|------------------------|--------|-------|--------|
| 1 | Vốn điều lệ                           | Triệu đồng             | 2.055  | 2.055 | 2.055  |
| 2 | Doanh thu                             | Triệu đồng             | 10.000 | 8.000 | 10.000 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế                  | Triệu đồng             | 440    | 90    | 440    |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế                    | Triệu đồng             | 352    | 72    | 352    |
| 5 | Nộp ngân sách nhà nước                | Triệu đồng             | 540    | 600   | 540    |
| 6 | Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ    | (%)                    | 17,13  | 3,5   | 17,13  |
| 7 | Thu nhập bình quân của người lao động | Triệu đồng/người/tháng | 7      | 7,2   | 7,3    |
| 8 | Tỷ lệ cổ tức hàng năm                 | %/mệnh giá             | -      | -     | -      |

(Nguồn: Phương án sản xuất kinh doanh giai đoạn 2019-2021 của Công ty TNHH MTV In và Phát biểu mẫu Thống kê)

Trong 03 năm đầu sau cổ phần hóa, do lợi nhuận thấp, Công ty chưa thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông. Năm 2019 Công ty dự kiến doanh thu tăng với giả định Công ty sẽ trúng gói thầu Tổng điều tra dân số và nhà ở của Tổng cục Thống kê như các năm trước đây đã thực hiện.

#### 4. Phân tích các rủi ro dự kiến

##### 4.1. Rủi ro kinh tế

Sự vững mạnh ổn định của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới là điều kiện hết sức quan trọng và cần thiết cho việc thực hiện mục tiêu phát triển của các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần nói riêng.

Sự biến động của các chính sách tiền tệ trên thế giới trong giai đoạn hậu khủng hoảng tài chính năm 2008 bắt nguồn từ Mỹ, như cuộc khủng hoảng chính trị-tài chính ở Hy Lạp, hay việc mở rộng biên độ dao động của tỷ giá Trung Quốc thời gian gần đây đã tác động khá lớn đến sự phát triển của hầu hết các nước trên thế giới và Việt Nam cũng không ngoại lệ. Ngoài ra, sự hồi phục kinh tế không đồng đều giữa các khu vực và chưa có dấu hiệu rõ nét khiến cho tình hình giá cả thị trường giao dịch các hàng hóa như cao su, dầu mỏ, khí đốt, ... biến động với biên độ rộng khiến môi trường hoạt động sản xuất kinh doanh tăng thêm độ rủi ro vốn có.

Việt Nam là nền kinh tế thị trường nên chịu ảnh hưởng không nhỏ từ sự biến động nền kinh tế thế giới. Điều này phản ánh rõ nét qua sự thay đổi tốc độ tăng trưởng GDP, CPI qua các năm trước và sau khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008. Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 ước tăng 6,81%, cao hơn tốc độ tăng chung của cùng kỳ các năm 2012 – 2016 (lần lượt là 4,93%; 4,9%; 5,22%; 6,68% và 6,21%). Theo số liệu công bố của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng cả nước (CPI) năm 2017 tăng 3,53% so với cùng kỳ năm trước.

Thị trường chứng khoán phục hồi và tăng trưởng khá mạnh. Các chỉ số giá chứng khoán năm

2017 đều tăng so với năm 2016. Bước sang năm 2018 thị trường chứng khoán tiếp tục tăng trưởng ấn tượng với nhiều cổ phiếu Bluechip dẫn dắt thị trường. Trước những chuyển biến tích cực, nguồn vốn ngoại “xâm nhập” vào thị trường góp phần hứa hẹn thị trường 2018 đầy sôi động. Tiếp tục thực hiện chủ trương chuyển đổi nền kinh tế và cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước thì các hoạt động thoái vốn, IPO, .. cũng diễn ra mạnh mẽ, tạo sự đa dạng trong việc lựa chọn đầu tư cho các nhà đầu tư, tuy nhiên cũng tạo áp lực và bất lợi cho nhiều doanh nghiệp có tình hình hoạt động kém hiệu quả dẫn tới IPO không thành công.

### **4.2. Rủi ro pháp lý**

Tình ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như các doanh nghiệp khác. Đó là rủi ro pháp lý ở khía cạnh hệ thống, ảnh hưởng đến hầu hết các doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Sự thay đổi này có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động của Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau (Luật doanh nghiệp, Luật đất đai, Luật Xuất bản, Luật Thương mại, ...). Các sắc luật này sẽ tiếp tục được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Bất cứ sự thay đổi nào cũng sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khả năng quản trị và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hạn chế rủi ro pháp lý. Cùng với quá trình phát triển, Công ty sẽ tiếp tục có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

### **4.3. Rủi ro đặc thù - rủi ro cạnh tranh**

Hiện tại, ở Việt Nam có khoảng 4.000 doanh nghiệp in ấn đang hoạt động. Điều này vừa chứng tỏ thị trường in ấn ở Việt Nam có triển vọng phát triển tốt. Mặt khác, nó cho thấy mức độ cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp trong ngành. Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê là một công ty in có quy mô nhỏ và vừa. Đa phần các công ty in ấn ở Việt Nam cũng là các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Vì vậy, Công ty sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh của các doanh nghiệp trong cùng ngành. .

Để thích nghi với sự cạnh tranh này, Ban lãnh đạo Công ty tập trung đẩy mạnh tối ưu hóa sản xuất để tiết giảm chi phí, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm đồng thời nghiên cứu khả năng đầu tư, đổi mới công nghệ in cũng như đẩy mạnh công tác phát triển, tìm kiếm khách hàng.

### **4.4. Rủi ro khác**

Bên cạnh các rủi ro hệ thống và rủi ro cá biệt như trên, Công ty cũng như các đơn vị kinh tế khác, sẽ chịu ảnh hưởng và bị tổn thất trong trường hợp xảy ra các rủi ro bất khả kháng như: thiên tai (bão, lụt, động đất, ...), hỏa hoạn, ...

## **5. Phương án sắp xếp lại lao động**

Căn cứ Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao Động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính Phủ về chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu; dựa trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của Công ty và nhu cầu lao động của Công ty sau cổ phần hóa, phương án sắp xếp lao động của Công ty sau cổ phần hóa như sau:

## CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ

| STT       | Nội dung                                                                                                                                                                   | Tổng số |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>I</b>  | <b>Lao động trước khi sắp xếp</b>                                                                                                                                          |         |
| 1         | Tổng số lao động thường xuyên (trong đó nữ: 10 người). Trong đó                                                                                                            | 22      |
|           | a) Số lao động đang làm việc theo hợp đồng lao động                                                                                                                        | 21      |
|           | b) Số lao động đang ngừng việc                                                                                                                                             | 0       |
|           | c) Số lao động đang nghỉ việc hưởng chế độ bảo hiểm xã hội                                                                                                                 | 0       |
|           | d) Số lao động đang nghỉ việc không hưởng lương                                                                                                                            | 0       |
|           | đ) Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động                                                                                                                   | 0       |
| <b>II</b> | <b>Phương án sử dụng lao động</b>                                                                                                                                          |         |
| 1         | Số lao động tiếp tục sử dụng tại công ty sau khi sắp xếp lại (Trong đó: nữ: 08 người). Trong đó                                                                            | 19      |
|           | a) Số lao động tiếp tục sử dụng                                                                                                                                            | 19      |
|           | b) Số lao động được đưa đi đào tạo lại để tiếp tục sử dụng                                                                                                                 | 0       |
|           | c) Số lao động chuyển sang làm việc không trọn thời gian                                                                                                                   | 0       |
| 2         | Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động                                                                                                                                     | 1       |
| 3         | Số lao động được tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 21 tháng 4 năm 1998 không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động (trong đó: nữ: 01 người). Trong đó: | 2       |
|           | a) Số lao động nghỉ hưu trước tuổi                                                                                                                                         | 2       |
|           | b) Số lao động đủ tuổi nghỉ hưu nhưng thiếu thời gian đóng BHXH                                                                                                            | 0       |
|           | c) Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động                                                                                                                             | 0       |
| 4         | Số lao động được tuyển dụng lần cuối cùng từ ngày 21 tháng 4 năm 1998 trở về sau không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động                             | 0       |

Số lượng người lao động ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là **22** người. Tổng số lao động không chuyển sang làm việc trong công ty cổ phần là **03** người. Trong đó có 02 người nghỉ hưu trước tuổi (theo quy định tại Nghị định 63/2015/NĐ-CP) và 01 người hết hạn hợp đồng lao động hai bên thống nhất chấm dứt hợp đồng lao động. Tổng số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần là **19** người.

### 6. Phương án sử dụng Quỹ khen thưởng phúc lợi

#### 6.1. Quỹ khen thưởng phúc lợi

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 01/10/2017, số dư Quỹ khen thưởng phúc lợi được xác định theo số liệu trên sổ sách kế toán là: 68.467.924 đồng.

#### 6.2. Phương án sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi

Theo Quy định tại điều 19 Nghị Định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần và Quy chế của Công ty, Quỹ khen thưởng phúc lợi tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 01/10/2017 được sử dụng như sau:

- Số dư còn lại: 68.467.924 đồng, Hội nghị người lao động Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu thống kê đã thống nhất chia số dư Quỹ khen thưởng phúc lợi cho

## CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ

người lao động theo quy định tại Thông tư 07/2018/TT-BLĐTBXH do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành ngày 01/8/2018.

### 7. Phương án sử dụng đất đã được cấp thẩm quyền phê duyệt

#### Tình hình phê duyệt phương án sử dụng đất

Công ty đang quản lý và sử dụng lô đất tại địa chỉ: số 47 và 55 ngõ 54 phố Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội với tổng diện tích là 828 m<sup>2</sup>.

Ngày 29/12/2017, Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu thống kê đã có công văn số 169/TMDLDB đăng ký phương án sử dụng đất theo phương thức thuê đất trả tiền hàng năm với UBND TP Hà Nội. Ngày 09/3/2018, UBND TP Hà Nội đã có công văn số 930/UBND-KT đồng ý với phương án sử dụng đất của Công ty sau khi cổ phần hóa là đất thuê 50 năm, trả tiền thuê đất hàng năm. Cụ thể:

Giữ nguyên hiện trạng mặt bằng Khu II là khu xưởng sản xuất in, khi nào di dời xưởng, Công ty sẽ đề nghị UBND TP xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo phương án kinh doanh mới (dự kiến di dời đến năm 2020 theo quyết định số 4506/QĐ-UBND của Thành phố). Hiện trạng Khu I hiện 2/3 diện tích đang là nhà cấp 4 từ lâu năm rất không an toàn, Công ty sẽ xin phép cơ quan chức năng cải tạo, xây dựng lại làm trụ sở, văn phòng và kinh doanh dịch vụ theo ngành nghề trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty....

### 8. Kế hoạch đăng ký giao dịch và niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán

Sau khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần, trong trường hợp Công ty đáp ứng đủ các điều kiện để trở thành công ty đại chúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 25 Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006, Công ty sẽ chịu trách nhiệm thực hiện hoàn tất thủ tục đăng ký giao dịch hoặc niêm yết trên thị trường chứng khoán theo đúng quy định hiện hành và dự kiến sẽ đưa cổ phiếu giao dịch chính thức trong thời gian 90 ngày kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

### 9. Kết luận và kiến nghị

Việc thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên In và Phát hành biểu mẫu Thống kê là phù hợp với chủ trương của Nhà nước và cần thiết để mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường hoạt động, thu hút vốn đầu tư và nâng cao năng lực quản trị của Công ty. Kính trình Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước xem xét, phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên In và Phát hành biểu mẫu Thống kê để Công ty triển khai thực hiện các bước cổ phần hóa tiếp theo đúng quy định của Nhà nước.

## PHẦN IV

## TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA ĐƯỢC PHÊ DUYỆT

| STT | Nội dung công việc                                       | Thời gian hoàn thành dự kiến (Ngày) |
|-----|----------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 1   | Phê duyệt Phương án cổ phần hóa.                         | T                                   |
| 2   | Tổ chức bán đấu giá cổ phần cho Nhà đầu tư bên ngoài.    | T+2 – T+32                          |
| 3   | Tổ chức bán cổ phần với giá ưu đãi cho CBCNV, công đoàn. | T+33 – T+48                         |

## CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ

|    |                                                                                                                            |             |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 4  | Báo cáo kết quả bán cổ phần với Ban chỉ đạo cổ phần hóa, tổ chức bán thỏa thuận số lượng cổ phần không bán hết (nếu có).   | T+49 – T+50 |
| 5  | Điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ (nếu có), cử người đại diện phần vốn Nhà nước và thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thành lập. | T+51-T+57   |
| 6  | Tổ chức ĐHĐCĐ thành lập thông qua Điều lệ, bầu HĐQT, BKS và thông qua Kế hoạch hoạt động kinh doanh.                       | T+58 – T+70 |
| 7  | Làm thủ tục đăng ký kinh doanh và đăng ký dấu mới cho công ty cổ phần, in sổ chứng nhận cổ phần cho cổ đông.               | T+71 – T+75 |
| 8  | Tổ chức ra mắt công ty cổ phần, đăng báo theo quy định để Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động.                     | T+75        |
| 9  | Thực hiện quyết toán phần vốn Nhà nước tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.                          | Sau T+75    |
| 10 | Bàn giao tài sản, vốn, danh sách lao động và toàn bộ sổ sách, tài liệu cho HĐQT công ty cổ phần.                           | Sau T+75    |

### PHẦN V

## DỰ THẢO ĐIỀU LỆ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN

(Đính kèm theo Phương án cổ phần hóa)

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2018

### CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ



CHỦ TỊCH  
KIỂM GIÁM ĐỐC CÔNG TY  
*Trương Quốc Dũng*